



Ban thư ký Ủy hội sông Mê Công
Chương trình đào tạo môi trường

THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ RA QUYẾT ĐỊNH



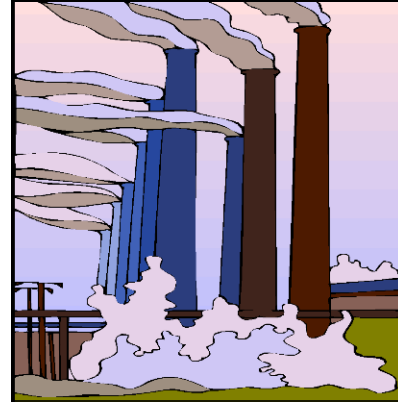
PHNOM PENH 10/2001

MỤC LỤC

BÀI 1 - GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	2
Tổng quan về đánh giá tác động môi trường	3
Tóm tắt lịch sử của đánh giá tác động môi trường	5
Những lợi ích của đánh giá tác động môi trường	6
BÀI 02 - LUẬT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG Ở HẠ LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG.....	7
Campuchia	7
Lào	8
Thái Lan.....	10
Việt Nam.....	12
BÀI 03 - NHỮNG THÁCH THỨC TRONG VIỆC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG Ở LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG	16
Tóm tắt một số thách thức	16
BÀI 04 - TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	20
Sàng lọc.....	20
Khảo sát môi trường sơ bộ.....	23
Xác định phạm vi.....	28
Đánh giá tác động môi trường đầy đủ	31
Những tác động môi trường lường trước và những biện pháp giảm thiểu	34
Thẩm định và Rà soát tác động môi trường.....	40
Giám sát môi trường	41
BÀI 05 - KINH TẾ MÔI TRƯỜNG TRONG QUY TRÌNH EIA	42
Lý thuyết nền kinh tế cổ điển và thực tế.....	43
Các sai lầm của nền kinh tế thị trường cổ điển.....	43
Sự liên hệ giữa nền kinh tế và môi trường	46
Các vấn đề trong đánh giá kinh tế các tác động môi trường.....	49
Đánh giá kinh tế của các tác động môi trường	49
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	52

BÀI 1 - GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các khoá học trước đã giới thiệu cho học viên về nguồn tài nguyên thiên nhiên to lớn của lưu vực sông Mê Công và các mối đe dọa đến nguồn tài nguyên này do áp lực phát triển gia tăng gây ra bởi sự tăng nhanh kinh tế và dân số trong lưu vực. Việc quản lý môi trường trong lưu vực sông Mê Công hết sức phức tạp vì đây là nơi cư trú của những người thuộc loại nghèo nhất trên thế giới. Sự nghèo khổ đã khiến cho người ta khai thác quá mức nguồn tài nguyên thiên nhiên tại chỗ hoặc quá mức một nguồn cụ thể có thể chịu đựng được. Khi con người không có nước sạch để sống hay không thể nuôi dưỡng con cái thì sự lành



mạnh của hệ sinh thái và mức độ khai thác tài nguyên đảm bảo sự bền vững sẽ rất ít được quan tâm và ở thứ hạng rất thấp trong danh sách các vấn đề ưu tiên của họ. Một vấn đề nữa cũng cần được quan tâm là các nhà quản lý môi trường ở lưu vực sông Mê Công có thể không muốn theo các yêu cầu đánh giá tác động môi trường một cách chặt chẽ đối với những dự án đầu tư nước ngoài quan trọng. Hơn nữa, tài nguyên rừng, nước, đất và nguồn lợi thủy sản trong lưu vực sẽ ngày càng suy thoái nếu người ta tiếp tục đặt mục tiêu phát triển kinh tế lên trên việc quản lý tài nguyên bền vững.

Nếu được hoạch định đúng đắn, phát triển kinh tế có thể làm giảm nghèo đói và đem lại một cuộc sống có chất lượng cao hơn. Nó cũng có thể làm giảm các áp lực của sự phát triển lên môi trường và làm giảm tốc độ suy thoái của môi trường. Tuy nhiên, phát triển kinh tế vô kế hoạch và không quản lý có thể đem lại những ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường. Áp lực lên môi trường đang ngày càng tăng lên và tốc độ suy thoái môi trường ngày càng nhanh hơn, dẫn đến suy giảm sự bền vững của hệ sinh thái cũng như của các hệ thống kinh tế.

Lập kế hoạch phát triển kinh tế theo hướng xem xét một cách thích đáng nhu cầu và giới hạn của tài nguyên có thể là vô cùng khó khăn. Ở các nước phát triển trên thế giới, nơi người dân không phải đối mặt với nghèo đói, hiện đang rất phổ biến trong lưu vực sông Mê Công, vẫn còn tiếp tục mắc sai lầm trong các chính sách phát triển kinh tế và môi trường. Đôi khi vì những lợi ích tài chính cần thiết trước mắt người ta dễ dàng bỏ qua việc sử dụng năng lượng bền vững và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Việc trông mong các nước nghèo trong lưu vực sông Mê Công làm theo chiến lược quản lý tài nguyên tương tự như các quốc gia giàu có và phát triển trên thế giới là không thực tế. Tuy nhiên, các quốc gia trong lưu vực sông Mê Công có thể và đang tăng cường sử dụng những công cụ của các nước phát triển, những công cụ có thể giúp họ tiến những bước dài để đạt tới sự quản lý bền vững hơn nguồn tài nguyên thiên nhiên và hỗ trợ việc tăng cường bảo vệ môi trường. Một trong số những công cụ quản lý môi trường có triển vọng nhất đang được áp dụng trong lưu vực chính là chủ đề của khoá học này.

TỔNG QUAN VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đánh giá tác động môi trường là một công cụ qui hoạch và quản lý, cung cấp cho những nhà quản lý môi trường và những người ra quyết định trong lưu vực sông Mê Công phương pháp dự đoán và giảm các tác động xấu đến môi trường của một dự án hoặc một hoạt động phát triển ở mọi qui mô. Trong thực tế, người ta thấy rằng, việc tăng cường phát triển kinh tế và gia tăng dân số trong lưu vực sông Mê Công sẽ dẫn tới suy thoái một số thành phần môi trường. Tuy nhiên, đánh giá tác động môi trường tạo cho các quốc gia ven sông nhiều cơ hội hơn trong việc lựa chọn và nhận biết được các loại và mức độ của những tác động môi trường mà họ sẽ phải tiếp nhận như là hậu quả tất yếu của sự phát triển đang diễn ra. Những thảm họa về môi trường và sức khoẻ cộng đồng có thể phòng tránh được, và những hoạt động gây hại tiềm tàng cho môi trường như phát triển công nghiệp có thể được giới hạn trong những khu vực được khoanh vùng cụ thể, nhờ đó cho phép giữ gìn, duy trì các khu vực khác không bị thiệt hại.

Kết quả của đánh giá tác động môi trường hỗ trợ cho những nhà ra quyết định của chính phủ, các nhà quản lý môi trường và cộng đồng địa phương xác định xem liệu một dự án có nên thực hiện hay không và với hình thức nào. Đánh giá tác động môi trường không thể đưa ra quyết định cuối cùng, nhưng nó là một công cụ rất cần thiết cho những người ra quyết định. Một số đặc điểm của đánh giá tác động môi trường được thống kê ở bảng 1.

Bảng 1. Một số đặc điểm cơ bản của đánh giá tác động môi trường

Mục đích	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo sử dụng một cách khôn ngoan nguồn tài nguyên thiên nhiên - Trợ giúp việc theo đuổi mục đích phát triển một cách sáng suốt bằng cách đánh giá các phương án thay thế, cải tiến đề cương thiết kế dự án, và tăng cường khía cạnh xã hội trong dự án. - Đánh giá những yếu tố căn bản của đề án phát triển. - Xác định các giải pháp loại trừ hoặc giảm thiểu những tác động tiềm ẩn. - Cung cấp thông tin cho việc ra quyết định
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo các ảnh hưởng tiềm tàng tới môi trường được xem xét trước khi ra quyết định. - Thúc đẩy phát triển bền vững. - Ngăn chặn các ảnh hưởng có hại cho môi trường trong phạm vi kiểm soát được và có ranh giới cụ thể. - Tạo cơ hội cho cộng đồng được tham vào quá trình ra quyết định
Các nguyên lý cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng cho tất cả các hoạt động (dự án, chính sách, chương trình). - Quan tâm tới những sự thay đổi theo thời gian và các qui mô không gian khác nhau. - Quan tâm tới những quan điểm về xã hội và văn hoá ngoài các ý kiến khoa học.

	<ul style="list-style-type: none">- Xác định và truyền đạt những ảnh hưởng tiềm tàng tới những người liên quan và khuyến khích thảo luận kỹ lưỡng và giải quyết vấn đề.
Lợi ích	<ul style="list-style-type: none">- Thúc đẩy việc lập kế hoạch tốt hơn và dẫn đến kết quả là việc ra quyết định có trách nhiệm hơn.- Tăng khả năng có thể được cộng đồng chấp nhận đối với những dự án có nhiều tranh cãi.- Về lâu dài, tiết kiệm thời gian và tiền bạc: giảm thời gian phê chuẩn và các yêu cầu điều chỉnh.

Đánh giá tác động môi trường vừa là công cụ hỗ trợ cho quá trình ra quyết định, vừa là một công cụ quản lý tiên phong. Nó được thiết kế để dự đoán, phân tích và chỉ ra những hậu quả sinh thái đi kèm các hoạt động được đề xuất. Mục đích của đánh giá tác động môi trường là làm cân bằng giữa sự quan tâm về môi trường theo khái niệm rộng hơn của việc phát triển kinh tế và xã hội. Nói chung, đánh giá tác động môi trường nhằm mục đích đoán trước và đề cập các tác động tiềm tàng ngay ở giai đoạn lập kế hoạch và thiết kế dự án. Báo cáo đánh giá sẽ cung cấp các thông tin về sự thay đổi kinh tế, xã hội và môi trường do hoạt động của dự án gây ra. Những thông tin này, sau khi được trình bày cho những người ra quyết định và người lập dự án, có thể được sử dụng để quyết định hình thức dự án nhằm đạt được những lợi ích mong muốn mà không gây ra những suy thoái môi trường nghiêm trọng. Đánh giá tác động môi trường xác đáng có thể ảnh hưởng lớn đến vị trí, quy mô dự án, đến các công nghệ được áp dụng và đến khu vực hưởng lợi hoặc bị ảnh hưởng của dự án. Cụ thể, đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện như sau:

- Xác định những nguồn gây tác động môi trường của dự án (Từ khi bắt đầu xây dựng đến lúc vận hành) và nghiên cứu các thành phần môi trường có giá trị (VEC) có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- Dự báo những tác động môi trường tương tự của các dự án dựa trên các VEC đã được xác định theo phương pháp định tính và định lượng hoặc kết hợp cả hai.
- Tìm các biện pháp để giảm những tác động không thể chấp nhận được và làm tăng các đóng góp tích cực của dự án bằng cách kiến nghị các biện pháp giảm nhẹ hoặc đưa ra phương án thay thế, như thay đổi về công suất, công nghệ, thiết kế hay vị trí dự án.
- Trình bày cho những người ra quyết định và những người liên quan khác kết quả xác định, dự đoán và đánh giá tác động, cùng các phương án giải pháp kiến nghị để giảm thiểu và giám sát các tác động.

Điều quan trọng cần được đề cập là trong khi việc đánh giá tác động môi trường thường được bắt đầu cho từng dự án đơn lẻ và nó cũng có thể được thực hiện vượt ra ngoài dự án. Những nguyên tắc đánh giá tác động môi trường cho một dự án đơn lẻ cũng được sử dụng để xác định các tác động lũy tích rộng hơn tới môi trường như làm khi tiến hành đánh giá tác động môi trường lũy tích (CEA). Tác động lũy tích là những tác động của một dự án kết hợp với tác động tương tự của các dự án khác đã, đang hoặc sẽ được thực hiện. Những tác động riêng lẻ có thể nhỏ, nhưng khi chúng cộng lại sẽ

gây ra lan rộng các ảnh hưởng bất lợi tới môi trường. Ngoài ra, những nguyên tắc đánh giá tác động môi trường có thể được sử dụng để đánh giá tính hiệu quả của chính sách môi trường riêng biệt hoặc chiến lược quản lý tài nguyên là một phần của việc đánh giá môi trường chiến lược (SEA). Cả SEA và CEA sẽ được trình bày chi tiết hơn trong các khoá học sau.

TÓM TẮT LỊCH SỬ CỦA ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đánh giá tác động môi trường được chính thức công bố vào cuối những năm 1960 như là một công cụ về chính sách quản lý cho cả việc lập kế hoạch và ra quyết định. Đánh giá tác động môi trường được sử dụng để hỗ trợ việc xác định, dự đoán và giảm thiểu các hậu quả môi trường có thể nhìn thấy trước do các dự án hoặc các hoạt động phát triển gây ra. Đánh giá tác động môi trường có những lúc được hiểu như là một công cụ lập kế hoạch chính thống vì lúc đầu người ta nhìn nhận nó như một trở lực cho sự phát triển kinh tế.

Hai đạo luật quan trọng được thông qua đã làm tăng phần tin cậy vào việc đánh giá tác động môi trường. Năm 1969, Mỹ ban hành đạo luật Chính sách Môi trường quốc gia (NEPA), đạo luật này yêu cầu thực hiện đánh giá tác động môi trường cho một số loại dự án. NEPA về cơ bản đã đưa đánh giá tác động môi trường vào áp dụng rộng rãi trên toàn thế giới vì một số quốc gia đã thông qua chỉ dẫn đánh giá tác động của họ trong suốt những năm từ 1970 tới 1990. Đạo luật quản lý tài nguyên của New Zealand năm 1990 có ý nghĩa then chốt trong việc chấp thuận đánh giá tác động môi trường là một công cụ lập kế hoạch hợp pháp, nó là cơ sở pháp lý đầu tiên đề cập đến nguyên tắc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Thí dụ về việc mở rộng phạm vi cho đánh giá tác động môi trường

Xét việc chính phủ Canada theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững bằng cách khuyến khích và thúc đẩy phát triển kinh tế trên cơ sở bảo tồn và nâng cao chất lượng môi trường;

Xét việc đánh giá môi trường cung cấp một công cụ hiệu quả trong việc gắn kết những yếu tố môi trường vào quá trình lập kế hoạch và ra quyết định trên tinh thần theo đuổi và thúc đẩy phát triển bền vững.

Xét việc chính phủ Canada cam kết thực hiện vai trò lãnh đạo ở Canada và trên bình diện quốc tế trong việc dự đoán và ngăn ngừa suy thoái chất lượng môi trường và đồng thời đảm bảo sự phát triển kinh tế phù hợp với những yêu cầu cao về chất lượng môi trường của người Canada.

Giới thiệu về đạo luật đánh giá môi trường của Canada

Do phần lớn 2 đạo luật này được thừa nhận rộng rãi và có ảnh hưởng lớn, nhiều quốc gia theo đó đã thông qua qui định pháp luật về đánh giá tác động môi trường của mình, yêu cầu việc đánh giá các loại dự án và các hoạt động nhất định phải gắn chặt với các nguyên tắc phát triển bền vững. Đánh giá tác động môi trường được nhiều nước ghi nhận là một yêu cầu trong các chính sách phát triển tài nguyên thiên nhiên (Sadler and Verheem, 1996).

NHỮNG LỢI ÍCH CỦA ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Lưu vực sông Mê Công có tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế trên các lĩnh vực: nghề cá, nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp, khai mỏ và thủy điện. Các đòi hỏi của khu vực cũng như thế giới về phát triển của các ngành liên quan đến nguồn tài nguyên thiên nhiên lưu vực sông Mê Công sẽ ngày càng tăng. Trong nhiều trường hợp, các dự án và các hoạt động phát triển sẽ có những tác động tiêu cực tới con người và môi trường thiên nhiên của lưu vực. Có thể, lợi ích lớn nhất mà đánh giá tác động môi trường mang lại cho các quốc gia trong lưu vực sông Mê Công là tăng khả năng kiểm soát việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên của họ.

Đánh giá tác động môi trường đem lại những nhà quản lý môi trường và những người ra quyết định quyền được yêu cầu phải có các biện pháp bảo vệ môi trường, bất kể ai là người đề xuất dự án (ví dụ: tổ chức công nghiệp quốc tế, các cơ quan chính phủ, hoặc các quốc gia tài trợ). Các dự án được đánh giá trên cơ sở một khuôn khổ đánh giá tác động môi trường chặt chẽ có thể đáp ứng những nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương và hỗ trợ việc sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên trong lưu vực.

Campuchia hiện nay đang phải đối mặt với thách thức trong phát triển và việc sử dụng đánh giá tác động môi trường sẽ làm các cơ quan chính phủ và các cơ quan có các hoạt động ảnh hưởng tới môi trường có được sự hợp tác tốt. Những hạn chế tiềm ẩn của việc phát triển và thực hiện đánh giá tác động môi trường ở Campuchia có thể là:

- Thiếu quyết tâm chính trị hoặc thiếu nhận thức về sự cần thiết trong việc đánh giá môi trường đối với các loại hoạt động và dự án phát triển nhất định.
- Thiếu khung luật pháp thích hợp.
- Những người thực hiện đánh giá tác động môi trường thiếu kỹ năng trong việc đánh giá tác động hoặc các lĩnh vực kỹ thuật khác.
- Thiếu dữ liệu và thông tin khoa học - kỹ thuật.
- Thiếu nguồn tài chính

Một thách thức khác là phải bổ sung các thủ tục đánh giá tác động môi trường để có thể đưa vào nội dung đánh giá các khía cạnh xã hội trong các quyết định về môi trường, cũng như đánh giá các tác động khu vực và lũy tích. Sự phát triển quy trình đánh giá tác động môi trường của Campuchia cũng có thể cung cấp cơ hội thực tế cho cộng đồng tham gia vào việc ra quyết định của chính phủ.

Campuchia đang có bước tiến tốt tới mục tiêu bảo vệ môi trường. Chính phủ Campuchia, với sự trợ giúp về kỹ thuật và tài chính của Ngân hàng thế giới, đã xây dựng Kế hoạch hành động môi trường quốc gia (NEAP) nhằm hướng dẫn lập và thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia. Một trong những mục tiêu chủ yếu của NEAP là tích hợp các vấn đề môi trường được quan tâm vào các quyết định phát triển và kinh tế của Campuchia. NEAP, cùng với các qui định đánh giá tác động môi trường hiện tại sẽ hỗ trợ đáng kể cho công tác quản lý bền vững và việc bảo vệ lâu dài tài nguyên thiên nhiên của Campuchia.

Cụ thể, NEAP tập trung vào 6 vấn đề chủ yếu sau:

1. Quản lý và sử dụng đa mục tiêu hệ sinh thái Tonle Sap.
2. Khai thác gỗ thương mại.
3. Quản lý chất thải công nghiệp và đô thị
4. Phát triển năng lượng và môi trường
5. Quản lý các vùng bảo hộ.
6. Quản lý vùng đặc quyền kinh tế.

LÀO

Hiện nay Lào chưa có qui định pháp lý cụ thể về đánh giá tác động môi trường. Hiến pháp quốc gia là cơ sở cho việc bảo vệ môi trường, yêu cầu tất cả các tổ chức và các công dân bảo vệ môi trường tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, bao gồm: đất, rừng, hệ động thực vật, tài



nguyên nước và không khí. Theo qui định của Hiến pháp, Kế hoạch hành động môi trường quốc gia (EAP) được thông qua năm 1993, và sau đó được sửa đổi năm 1995. EAP là văn kiện khung về chính sách bảo vệ môi trường và quản lý khôn ngoan các nguồn tài nguyên và tập trung vào các nguồn tài nguyên chính như: rừng, đất, đa dạng sinh học và thủy sản.

Sự gia tăng nhận thức về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên ở Lào đã dẫn đến việc xây dựng dự thảo Luật bảo vệ môi trường. Dự thảo luật này bao gồm những quy định về đánh giá môi trường. Cơ quan đề xuất dự án phát triển chính phải thực hiện nghiên cứu đánh giá tác động môi trường theo bản ghi nhớ (MOU) giữa cơ quan đề xuất và Chính phủ. Các yêu cầu của quy trình đánh giá tác động môi trường không chính thức này bao gồm:

- Nhà đầu tư phải đệ trình kế hoạch phát triển của họ cho Ủy ban quản lý đầu tư nước ngoài (FIMC), thuộc Ủy ban Kế hoạch và Hợp tác.
- FIMC cùng với nhóm công tác liên bộ (IMWG) và chuẩn bị một MOU để thương lượng với người đề xuất dự án. MOU bao gồm những điều khoản về trách nhiệm môi trường.
- Sau khi MOU được ký, các nhà phát triển dự án phải đệ trình báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, trong đó có nghiên cứu môi trường sơ bộ hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Trong khi chưa có các tiêu chuẩn quốc gia, các báo cáo này phải tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế.
- Cục Khoa học, Công nghệ và Môi trường (STEA) xem xét báo cáo và kế hoạch quản lý môi trường của dự án. STEA xin ý kiến nhận xét từ IMWG để chuẩn bị bản kiến nghị cuối cùng trình lên Chính phủ.
- Sau đó FIMC sẽ thông qua hoặc bác bỏ dự án đầu tư được đề xuất. Nếu dự án được thông qua, FIMC sẽ cấp giấy phép trong đó có các điều kiện nêu trong MOU.

Thủ tục đánh giá tác động môi trường hiện có ở Lào có thể cần được củng cố và cải tiến, đặc biệt là danh sách các loại dự án đòi hỏi phải đánh giá tác động môi trường chi tiết. Quy trình xem xét đánh giá tác động môi trường cũng cần rõ ràng và nghiêm ngặt hơn. Có lẽ quan trọng nhất là sẽ xây dựng một chương trình giám sát theo đúng yêu cầu để đảm bảo rằng đáp ứng được những điều kiện môi trường cần cho với phê chuẩn dự án. STEA hiện đang xây dựng các hướng dẫn cụ thể cho đánh giá tác động môi trường chính thức, phù hợp với dự thảo Luật bảo vệ môi trường. Những hướng dẫn này yêu cầu phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường cho tất cả các dự án trọng điểm có ảnh hưởng tới môi trường, ví dụ như phát triển thủy điện. Hướng dẫn đánh giá môi trường của STEA là phương tiện giúp sự tham của cộng đồng đạt hiệu quả như mong đợi.

Có thể một trong những rào cản lớn nhất đối với việc phát triển và thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường có hiệu quả ở Lào là thiếu cán bộ được đào tạo. Do đó, cần tăng cường năng lực cán bộ trong lĩnh vực kỹ thuật đánh giá tác động môi trường, như xác định những tác động tới sinh thái và xã hội, phát triển những kỹ năng cần thiết

để giảm thiểu những tác động tiêu cực và phát huy tối đa các tác động tích cực của dự án. Về lâu dài, STEA cũng sẽ tổ chức một nhóm chuyên gia đã được đào tạo kỹ năng đánh giá môi trường thực hiện việc giám sát các dự án phát triển của Lào.

THÁI LAN

Thái Lan là một trong những quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á phát triển và thực hiện một quy trình đánh giá tác động môi trường quốc gia. Quy trình xem xét môi trường của họ được thông qua đầu tiên năm 1981. Từ đó đến nay, quy trình đánh giá tác động môi trường đã nhiều lần được bổ sung, sửa đổi. Quy trình đánh giá tác động môi trường của Thái Lan hiện nay được thực hiện theo Luật Nâng cao và Bảo vệ Chất lượng Môi trường Quốc gia năm 1992 (NEQA). Các dự án được sàng lọc theo quy mô và loại, hoặc theo tính chất của các tổ chức Chính phủ và tư nhân đòi hỏi chấp thuận dự án.



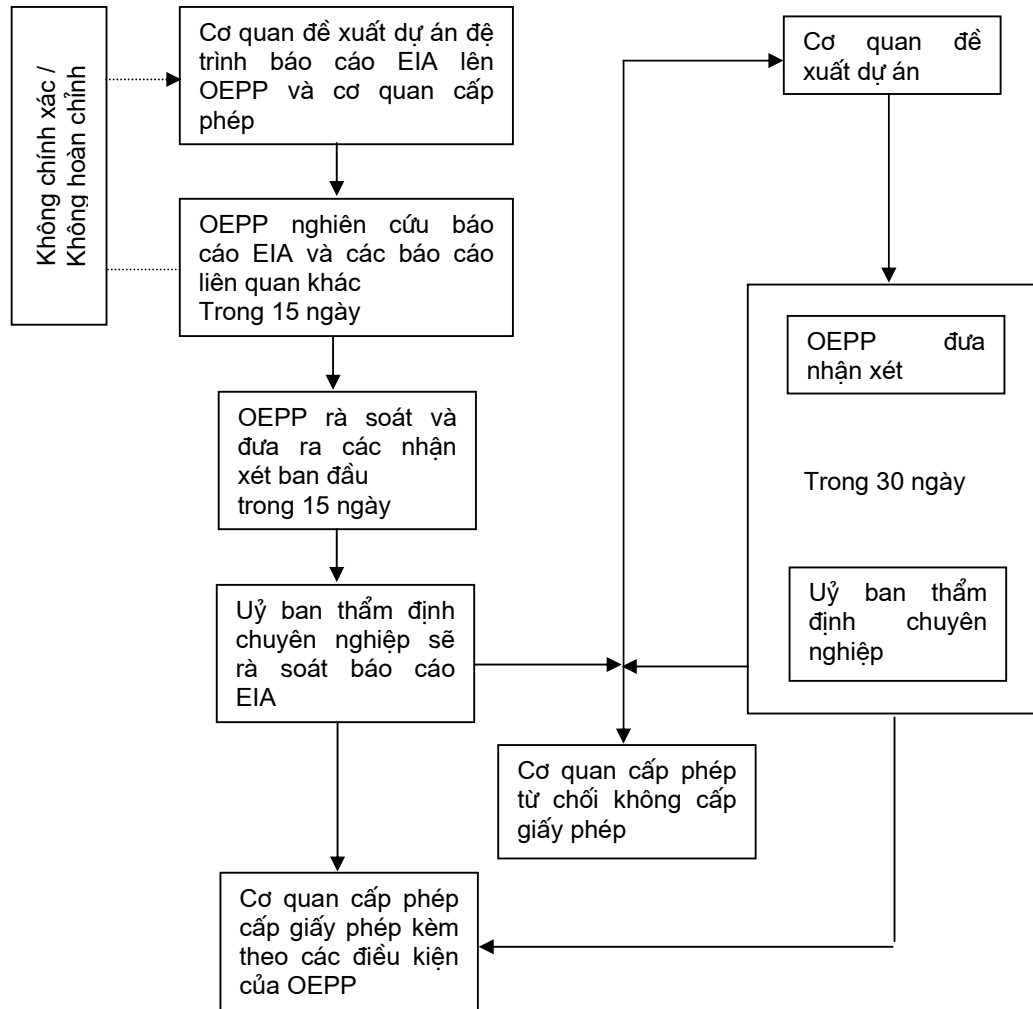
Yêu cầu đánh giá tác động môi trường cho những dự án và các hoạt động phát triển được nêu ở Chương 2, phần 4 của NEQA. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (MOSTE) xem xét các dự án đề xuất theo quy mô và hình thức hoạt động. Hiện nay có 29 loại hình dự án được đưa vào danh sách dự án được yêu cầu phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, bao gồm các dự án xây dựng đập và hồ chứa, công trình tưới, sân bay thương mại, khu nghỉ hoặc khách sạn, hệ thống vận chuyển lớn và đường cao tốc, khai mỏ và các dự án công nghiệp. Nếu dự án đòi hỏi phải đánh giá tác động môi trường, thì cơ quan đề xuất dự án có trách nhiệm thuê nhà tư vấn có đăng ký (nghĩa là: nhà tư vấn được Cơ quan Kế hoạch và Chính sách môi trường (OEPP) công nhận) chuẩn bị báo cáo đánh giá tác động môi trường. Có 2 loại quy trình đánh giá tác động môi trường chính được áp dụng ở Thái Lan tùy thuộc vào tính chất của dự án: dự án khu vực tư nhân và dự án khu vực công cộng.

Các dự án khu vực tư nhân là những dự án được tiến hành toàn bộ bởi các công ty tư nhân hoặc các cá nhân, hoặc những dự án được tiến hành bởi một tổ chức chính phủ hoặc một doanh nghiệp nhà nước (đôi lúc có sự kết hợp với một doanh nghiệp tư nhân) nhưng không đòi hỏi chính phủ thông qua. Cơ quan đề xuất dự án phải đệ trình báo cáo cho Phòng đánh giá ảnh hưởng môi trường (EIED) của OEPP. Báo cáo đánh giá tác động môi trường có thể dưới hình thức của một nghiên cứu môi trường sơ bộ. EIED sẽ nghiên cứu, để xác định sự thích hợp của báo cáo này. Nếu báo cáo có thể chấp nhận được, quy trình xem xét bắt đầu. Một Ủy ban thẩm định chuyên nghiệp, bao gồm những chuyên gia có trình độ trong các ngành kỹ thuật khác nhau sẽ nghiên cứu và đưa ra quyết định cuối cùng.

Ủy ban này có thể chấp thuận hoặc bác bỏ báo cáo, hoặc có thể yêu cầu bổ sung thông tin hay sửa lại báo cáo. Nếu báo cáo được chấp thuận, cơ quan cấp phép cấp giấy phép

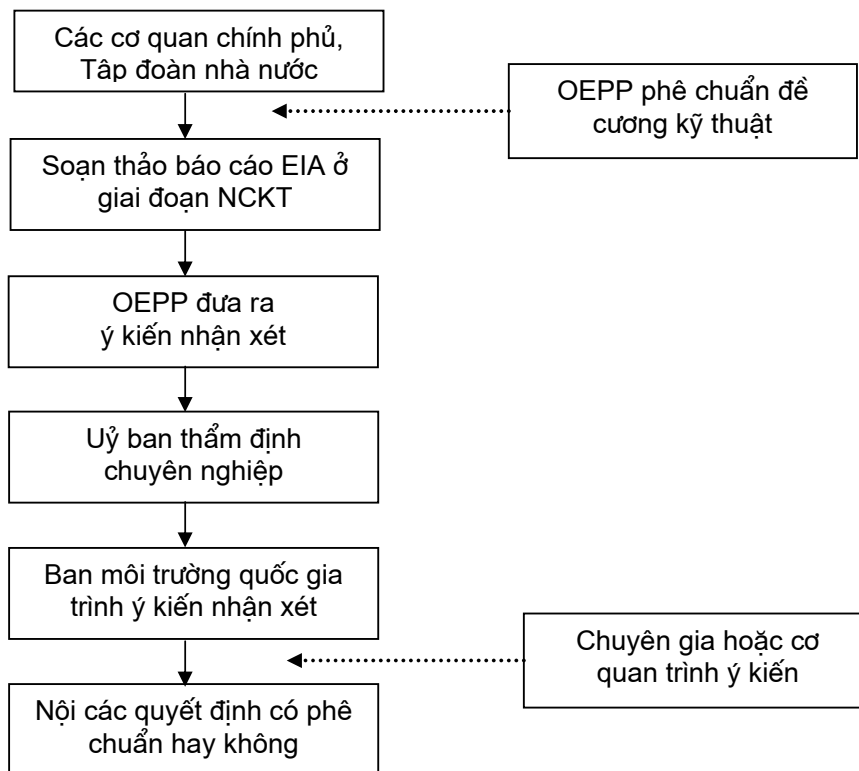
cho dự án với những điều kiện về các biện pháp giảm thiểu và các chương trình giám sát. Hình 1 đưa chi tiết các bước và khung thời gian liên quan đến việc xem xét các báo cáo đánh giá tác động môi trường của khu vực tư nhân.

Hình 1 Thủ tục EIA đối với các dự án không yêu cầu phải được nội các thông qua ở Thái Lan



Các dự án hoặc các hoạt động thuộc khu vực công cộng được tiến hành bởi các cơ quan chính phủ hoặc các doanh nghiệp nhà nước (đôi khi có sự kết hợp với một doanh nghiệp tư nhân) và cần được chính phủ thông qua. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm về dự án phải chuẩn bị một báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đây là một phần của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Sau đó, báo cáo đánh giá tác động môi trường này được đệ trình cho EIED của OEPP, và sau đó trình cho Ủy ban thẩm định chuyên nghiệp cho ý kiến. Tiếp đó, báo cáo được chuyển tới Ban Môi trường quốc gia để xem xét và đưa ra ý kiến trước được rồi đệ trình lên Chính phủ. Chính phủ có thể yêu cầu một cá nhân hay một tổ chức có chuyên môn về đánh giá tác động môi trường đệ trình ý kiến để xem xét. Hình 2 chỉ ra chi tiết các bước thực hiện đánh giá tác động môi trường cho các dự án khu vực công cộng. Chú ý rằng hiện nay chưa có những giới hạn về thời gian xem xét báo cáo.

Mặc dù NEQA của Thái Lan là một trong những luật về môi trường toàn diện hơn cả ở hạ lưu vực sông Mê Công, vẫn có thể chỉ ra một số điểm yếu kém trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và các thủ tục đánh giá tác động môi trường. Điểm chính của NEQA là kiểm soát ô nhiễm trong khi các vấn đề về quản lý tài nguyên thiên nhiên lại ít được quan tâm hơn. Điều này chủ yếu do việc quản lý tài nguyên có xu hướng đưa về thuộc các qui định chuyên ngành và các cơ quan khác nhau, trong khi kiểm soát ô nhiễm được thực hiện nghiêm khắc bởi Cục kiểm soát ô nhiễm của MOSTE. Như vậy, một trong những thách thức lớn nhất của Thái Lan là việc phối hợp những cố gắng của nhiều cơ quan dưới sự qui định của luật. Trong tương lai, luật đánh giá tác động môi trường của Thái Lan sẽ có thể cần được sửa đổi, bổ sung để đòi hỏi các qui định và sự thi hành các tiêu chuẩn bổ sung về phát xạ và bức xạ. Hơn nữa, yêu cầu tăng cường hơn nữa sự tham gia của công chúng và các tổ chức phi chính phủ trong quá trình đánh giá tác động môi trường của Thái Lan đã được xác định. Chính phủ Thái Lan đã nhận ra sự cần thiết cần có các qui định cụ thể hơn để xử lý được các vấn đề môi trường đặc thù, thi hành luật hiệu quả hơn và thực hiện những luật hiện có để giúp đất nước đạt có được sự quản lý môi trường bền vững.



Hình 2 Thủ tục EIA đối với các dự án yêu cầu phải được nội các thông qua ở Thái Lan

VIỆT NAM

Cơ quan đầu mối có trách nhiệm quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường ở Việt Nam là Cục môi trường thuộc Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (MOSTE). Luật Bảo vệ Môi trường (LEP) năm 1994 của Việt Nam là khung chính sách môi trường cơ bản của quốc gia, và điều 18 của LEP qui định việc đánh giá tác động môi trường. Thêm vào

đó, một loạt các qui định đã được thông qua để tiến hành đánh giá tác động môi trường như được trình bày trong bảng 1.

LEP yêu cầu phân tích, đánh giá và dự báo các ảnh hưởng về môi trường do các dự án và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội gây ra, cũng như việc đề xuất những giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp. Được trao quyền thực thi luật thích hợp, nên qui định đánh giá môi trường của LEP rất có hiệu lực. Báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết là yêu cầu bắt buộc với cả các dự án mới lẫn các dự án đã có thuộc diện phải sàng lọc. Dựa trên những phát hiện của báo cáo đánh giá tác động môi trường, những người đề xuất dự án mới và những người chủ/người điều hành các cơ sở đang hoạt động phải chấp nhận thực hiện những biện pháp khắc phục tác động phù hợp.

Bảng 1 Những qui định chủ yếu về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam

<i>Tên qui định</i>	<i>Tóm tắt nội dung chính</i>
<i>Quy chế tổ chức và hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường. Số. 1807 / QĐ-MTg, 1994</i>	Qui định việc thành lập hội đồng xem xét/thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Qui định thành phần của hội đồng và các điều khoản qui định việc ra quyết định Hội đồng.
<i>Thông tư hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho các cơ sở đang hoạt động. Số. 1420 / QĐ-MTg, 1994.</i>	Bao gồm những hướng dẫn cho các cơ sở công nghiệp và sản xuất hiện tại (đề cập tới "các cơ sở đang vận hành") trong việc đệ trình báo cáo đánh giá tác động môi trường cho lãnh đạo tỉnh và địa phương.
<i>Nghị định về thi hành Luật Bảo vệ Môi trường. Số. 175-CP, 1994</i>	Phụ lục 1.1: Nội dung báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Phụ lục 1.2: Nội dung báo cáo đánh giá chi tiết tác động môi trường. Phụ lục 1.3: Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các cơ sở đang vận hành.
<i>Thông tư hướng dẫn và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của những dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Thông tư Số. 715 / QĐ-MTg, 1995.</i>	Cung cấp hướng dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài về loại dự án phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, cũng như qui định về nội dung, định dạng và thủ tục trình duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
<i>Thông tư hướng dẫn và thẩm định báo cáo đánh giá Tác động Môi trường đối với các dự án đầu tư. Chỉ thị Số. 490 / 1998 / TT-BKHCNMT</i>	Bao gồm những qui định mới nhất về nội dung và định dạng của báo cáo đánh giá tác động môi trường cũng như các thủ tục cụ thể cho việc trình và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Những tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho các cơ sở đang hoạt động đã đưa ra chi tiết các loại hình cơ sở bắt buộc phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, và phạm vi cần xem xét lại đánh giá tác động môi trường. Về cơ bản, những hướng dẫn đánh giá tác động môi trường chia các cơ sở đang hoạt động thành 4 loại:

1. Các cơ sở không yêu cầu phải xem xét bất kỳ ảnh hưởng môi trường nào gồm : trường học, ngân hàng, trung tâm viễn thông, các cửa hàng sách, văn phòng phẩm.
2. Những cơ sở mà chúng ta có thể gọi là "qui mô nhỏ", chỉ đòi hỏi xem xét (ảnh hưởng) môi trường sơ bộ. Các phát hiện của nghiên cứu này sẽ được sử dụng để xác định loại và phạm vi các biện pháp bảo vệ môi trường. Các cơ sở thuộc loại này có thể bao gồm các doanh nghiệp nhỏ thuộc quản lý của chính quyền địa phương, cửa hàng hoá chất và thuốc trừ sâu, lò mổ cung cấp thực phẩm tại chỗ, điểm đỗ xe buýt và các bệnh viện địa phương, và các cảng liên tỉnh.
3. Các cơ sở sản xuất qui mô vừa và lớn cần được xem xét môi trường một cách nghiêm ngặt hơn. Người quản lý các cơ sở này phải đệ trình báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết cho các cơ quan quốc gia hay cơ quan địa phương phù hợp. Các loại dự án phải đệ trình báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết cho MOSTE bao gồm:
 - Nhà máy sản xuất sơn và cao su (tất cả)
 - Nhà máy sản xuất phân bón (công suất hơn 1.000 tấn/năm)
 - Nhà máy xi măng (công suất hơn 40.000 tấn/năm)
 - Cơ sở nuôi trồng thủy sản (công suất hơn 100.000 tấn/năm)
 - Nhà máy phóng xạ (tất cả)
 - Nhà máy thuộc da (công suất hơn 1.000 tấn/năm)
 - Khai thác mỏ (các mỏ trung bình và lớn)
 - Khai thác và lọc dầu (tất cả)
 - Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng (quy mô trung bình và lớn).
4. Các cơ sở được cấp giấy phép trước tháng 1/1994 nhưng chưa hoạt động phải đệ trình báo cáo đánh giá tác động môi trường nếu chúng thuộc các loại dự án sau: qui hoạch tổng thể phát triển vùng, dự án đầu tư nước ngoài, hoặc các dự án khoa học, kinh tế, y tế, an ninh và quốc phòng.

Nghị định về hướng dẫn cho việc thi hành LEP cung cấp thông tin về xác định các ảnh hưởng môi trường. Những điều kiện kỹ thuật thích hợp của báo cáo đánh giá tác động môi trường, dựa trên việc xác định các ảnh hưởng môi trường thích hợp cũng được đề cập đến trong nghị định này. Cuối cùng, Nghị định hướng dẫn về các thành phần cần có trong một báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết. Các tác động tới môi trường vật lý (chất lượng nước, chất lượng không khí), tài nguyên thiên nhiên (hệ sinh

thái dưới nước và trên cạn), và các điều kiện xã hội (kinh tế địa phương và văn hoá truyền thống) phải được thể hiện trong tất cả các khía cạnh khi vận hành dự án.

Một hạn chế rõ ràng trong các qui định về đánh giá môi trường của Việt nam là báo cáo đánh giá tác động môi trường chỉ được thẩm định sau khi dự án được cấp phép. Như vậy, vị trí và qui mô của dự án đã được xác định trước khi xem xét báo cáo đánh giá tác động môi trường. Do đó, thủ tục đánh giá tác động môi trường chỉ phù hợp với việc đánh giá những biện pháp giảm thiểu và các công nghệ giảm nhẹ ô nhiễm. Vai trò của đánh giá tác động môi trường trong quyết định có thông qua dự án hay không hoặc thay đổi vị trí dự án về bản chất đã bị loại bỏ khỏi qui trình phê duyệt dự án.

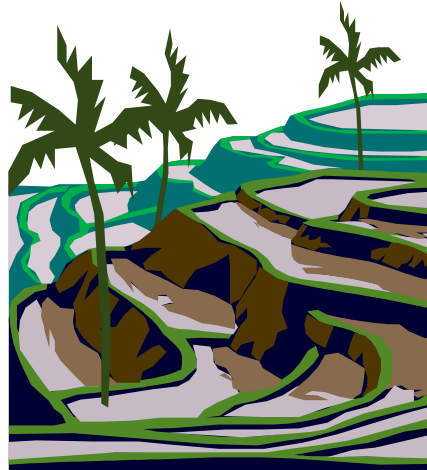
Một thách thức khác ở Việt Nam là hiện nay có quá nhiều cơ sở công nghiệp sử dụng công nghệ lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Nên thông qua luật cấm sử dụng công nghệ cũ và yêu cầu lắp đặt các công nghệ mới "sạch hơn", nhưng chi phí cho công nghệ mới có thể cao gây cản trở việc thực hiện. Nếu vì buộc phải thay đổi công nghệ sản xuất mà các cơ sở này bị đóng cửa, thì vấn đề số lượng lớn người lao động bị thất nghiệp sẽ phải đặt ra. Để trả lời vấn đề này, Việt Nam đang thực hiện đánh giá môi trường cho các cơ sở công nghiệp hiện có nhằm mục đích làm thế nào để tiếp tục phát triển công nghiệp tốt nhất.

Những vấn đề khác cản trở việc thực hiện đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam, cũng giống như ở các quốc gia ven sông khác thuộc lưu vực sông Mê Công, là sự thiếu cán bộ và chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực đánh giá tác động môi trường. Hơn nữa, mức phạt đối với các vi phạm qui định đánh giá tác động môi trường hiện hành còn quá thấp. Mức phạt này cần được tăng lên, nếu không những cơ sở gây ô nhiễm sẽ coi chúng chỉ là một khoản chi khá nhỏ của công việc kinh doanh và sẽ không có động cơ thực sự để buộc các cơ sở này lắp đặt những công nghệ sạch hơn tại cơ sở của họ.

Cuối cùng, MOSTE mong muốn làm chi tiết hoá hơn nữa các hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho từng loại dự án. Những vấn đề phát sinh thường bởi các hướng dẫn thiếu chi tiết cho từng ngành công nghiệp cụ thể. Hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho dự án công nghiệp hoặc dự án đặc thù thường tập trung vào các tác động môi trường mà dự án đó thường gây ra. Thí dụ, những hướng dẫn đánh giá tác động môi trường riêng biệt cho nhà máy sản xuất giấy hoặc bột giấy thường chi tiết hoá các ảnh hưởng về chất lượng nước/môi trường sống thuỷ sinh thường xuyên do xả nước từ nhà máy ra sông. Hơn nữa, những hướng dẫn có thể đưa ra tổng quan những công nghệ xử lý sẵn có và những khuyến nghị trong việc lựa chọn công nghệ kiểm soát ô nhiễm để giảm nhẹ một số tác động phổ biến đến chất lượng nước.

BÀI 03 - NHỮNG THÁCH THỨC TRONG VIỆC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG Ở LƯU VỰC SÔNG MÊ CÔNG

Việc áp dụng các nguyên tắc đánh giá tác động môi trường có thể giúp các quốc gia ven sông trong lưu vực sông Mê Công (MRB) vượt qua những thách thức phát triển trong tương lai của họ. Hiện nay, nghèo đói, áp lực dân số, kém phát triển và bản thân quá trình phát triển cùng góp phần gây ra các vấn đề về môi trường trong lưu vực.



Như chúng ta đã biết ở các khoá học trước, bất chấp lệnh nghiêm cấm chặt phá và xuất khẩu gỗ của một số nước trong lưu vực sông Mê Công, tình trạng phá rừng vẫn xảy ra tràn lan. Đánh bắt cá quá mức và suy giảm chất lượng nước đang ngày càng nghiêm trọng. Việc quản lý và xử lý rác thải không thoả đáng, bao gồm chất thải độc hại, góp phần làm suy thoái nước mặt và nước ngầm. Những hậu quả môi trường của những dự án phát triển liên quan đến sử dụng đất, đánh cá, tưới, thủy điện, quản lý và xả chất thải, và xây dựng hạ tầng đô thị có thể có ảnh hưởng sâu rộng. Trừ khi các loại dự án phát triển này được tiến hành với những hiểu biết về các tác động có khả năng xảy ra, nếu không về lâu dài chất lượng môi trường của lưu vực có sẽ phải chịu rủi ro.

Các quốc gia ven sông trong hạ lưu vực sông Mê Công đang phải đối mặt với một số thách thức trong việc đối phó với các mối đe dọa phát triển trong lưu vực. Mặc dù cả 4 quốc gia của hạ lưu vực sông Mê Công đều có các yêu cầu xem xét môi trường, nhưng có thể nói rằng không nhà quản lý môi trường nào của mỗi quốc gia được trao đầy đủ quyền lực để đòi hỏi phải rà soát môi trường đầy đủ và có các biện pháp bảo vệ. Những người thực hiện đánh giá tác động môi trường cũng phải quan tâm đến một số vấn đề cụ thể được mô tả ở các phần sau khi áp dụng các điều khoản đánh giá tác động môi trường ở quốc gia mình.

TÓM TẮT MỘT SỐ THÁCH THỨC

Các điều kiện xã hội

Nghèo đói ở các quốc gia ven sông MRB là một hạn chế cho việc xem xét ảnh hưởng môi trường của các dự án hoặc hoạt động phát triển. Chiến tranh và chính trị bất ổn đã tạo ra một số vòng luẩn quẩn của sự nghèo đói khó tránh thoát. Có rất nhiều vùng định cư điều kiện sống không bảo đảm do nhà ở, điều kiện vệ sinh và cấp nước không phù hợp. Ví dụ ở Campuchia, chỉ có một phần nhỏ dân cư được cung cấp nước ổn định và an toàn. Một số các vấn đề về sức khoẻ cộng đồng ở lưu vực có nguyên nhân trực tiếp do điều kiện môi trường không lành mạnh ở các làng xã, bao gồm các bệnh truyền nhiễm mắt và da, bệnh tiêu chảy kinh niên ở trẻ em, sốt xuất huyết và rất nhiều các

bệnh truyền nhiễm khác nhau do ký sinh trùng. Sự thiếu thốn các dịch vụ y tế ở những vùng nông thôn càng làm cho các vấn đề này trầm trọng thêm.

Ở mức độ đơn lẻ, việc tìm kiếm thức ăn, nhà ở, nước uống sẽ luôn luôn chiếm vị trí ưu tiên cao hơn việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, giáo dục môi trường và xây dựng đạo đức môi trường là những nền tảng quan trọng cho việc bảo vệ lâu dài môi trường thiên nhiên của lưu vực. Quan trọng hơn, sử dụng khôn ngoan hơn các nguồn tài nguyên ở từng cá thể hoặc làng xã có thể giúp làm giảm mức độ nghèo đói. Những kiến thức sơ bộ về thế nào là đa dạng sinh thái và khả năng đồng hoá các chất thải của hệ sinh thái là có giới hạn có thể giúp người dân địa phương quản lý tài nguyên của họ theo một phương pháp đổi mới hơn.

Giáo dục môi trường có thể cho phép các cộng đồng địa phương hiểu và đánh giá được hệ sinh thái phức tạp của lưu vực, cũng như tầm quan trọng của việc có một môi trường được quản lý tốt trong phát triển kinh tế. Chỉ một cộng đồng được cung cấp đầy đủ thông tin, có động cơ và được uỷ thác mới có thể cung cấp nền tảng cần thiết cho việc bảo vệ lâu dài môi trường thiên nhiên. Giáo dục môi trường cũng vô cùng quan trọng đối với các chính khách và các chuyên viên ở các cơ quan chính phủ, những người có quyền ra quyết định hơn người dân địa phương rất nhiều. Khi đã có sự phổ biến rộng rãi các kiến thức về môi trường thiên nhiên của lưu vực sông Mê Công, các quyết định Chính phủ sẽ tăng cường bảo vệ môi trường.

Những vấn đề xuyên biên giới

Xuyên biên giới đề cập đến những tác động mà ảnh hưởng của nó không chỉ xảy ra trong phạm vi biên giới của một quốc gia đơn lẻ. Những tác động môi trường xuyên biên giới là vô cùng quan trọng bởi chúng thường vượt quá sự kiểm soát của các quốc gia đơn lẻ. Một quy trình xem xét môi trường xuất sắc ở mỗi nước không thể ngăn ngừa được những tác động từ dự án phát triển ở một quốc gia láng giềng. Một thành phần tiềm ẩn của quy trình đánh giá tác động môi trường là sự quan tâm và trách nhiệm đối với các quốc gia khác. Bởi vì những hệ sinh thái tự nhiên không quan tâm tới đường biên giới chính trị, quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên đòi hỏi một nỗ lực để giới hạn và quản lý các tác động môi trường vì lợi ích của tất cả nhân dân trong một khu vực, chứ không chỉ trong một quốc gia đơn lẻ nào.

Ở sông Mê Công, nguồn nước trong lưu vực chưa được điều chỉnh bởi các qui trình của luật quốc tế liên quan đến sử dụng và phân phối nước giữa các quốc gia ven sông. Từ năm 1957, lưu vực đã được phân chia thành 2 phần, thượng lưu vực sông Mê Công (gồm Trung quốc và Miến Điện) và hạ lưu vực sông Mê Công (LMB) (gồm Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt nam). Ủy hội sông Mê Công cũng được hình thành trong năm này để khuyến khích việc điều phối sử dụng sông giữa 4 quốc gia trong LMB. Tiềm năng thuỷ điện to lớn của sông Mê Công và một số sông nhánh của nó đã được nhận biết từ lâu, và sẽ tiếp tục được gia tăng khai thác cùng với sự phát triển của lưu vực. Xây dựng đập trên dòng chính sông Mê Công/hoặc những sông nhánh có tiềm năng gây ra những tác động đối với các quốc gia ở hạ lưu. Ví dụ, Trung quốc đã làm ảnh hưởng sâu sắc đối với tất cả quốc gia của LMB qua việc xây dựng một số đập vào đầu những năm 1990, như đập Man Wan. Do thiếu một thoả thuận giữa các quốc gia ven sông về quyền sử dụng nước, những quốc gia hạ lưu có thể không nhận được sự

đền bù cho những mất mát nghề cá, nước tưới và những thiệt hại khác gây ra từ việc dòng chảy bị giảm.

Xem xét về môi trường của những phát triển thủy điện (và những hoạt động hoặc dự án khác có thể gây ảnh hưởng tới các nước láng giềng), đòi hỏi phải nghiên cứu tới những ảnh hưởng xuyên quốc gia có thể xảy ra. Những đòi hỏi của những quốc gia cận kề và những yêu cầu đền bù của họ cần được xem xét trong đánh giá môi trường tổng quát.

Những lỗ hổng thông tin khoa học

Ở nhiều quốc gia ven sông trong LMB cơ sở dữ liệu kỹ thuật để có thể tiến hành dự báo chính xác các ảnh hưởng còn hạn chế. Chính vì vậy, cần thu thập các số liệu cơ bản. Những số liệu cơ bản là những thông tin rất cần thiết, nó đưa ra những thông tin chi tiết về điều kiện môi trường tự nhiên của một vùng riêng biệt hay tài nguyên thiên nhiên. Thông qua việc thu thập dữ liệu cơ bản, chúng ta có thể biết được mô hình dòng chảy tự nhiên của sông chính và các sông nhánh. Chúng ta có thể biết được các loài cá định cư và di cư và bắt đầu hiểu được chu kỳ sống của chúng. Các dữ liệu cơ bản được thu thập qua thời gian có thể khám phá ra nhiều điều về các quá trình tự nhiên của một hệ sinh thái, bao gồm các loại đất, chu kỳ dinh dưỡng, thực vật, thành phần cộng đồng động vật và những khả năng của hệ sinh thái để đồng hoá và phục hồi từ những thay đổi bất buộc khác nhau. Dữ liệu cơ bản là đặc biệt quan trọng bởi nó cho phép các nhà khoa học và nhà quản lý môi trường xác định các điều kiện tự nhiên và các quá trình của một hệ sinh thái. Qua thời gian, người ta có thể xác định được những thay đổi trong hệ sinh thái như là một kết quả của tự nhiên hay hệ quả của tác động của con người và những khuynh hướng có thể được khám phá. Ngoài ra, kiến thức về điều kiện tự nhiên của một nguồn tài nguyên cụ thể có thể rất hữu ích trong việc thiết kế những biện pháp giảm thiểu cho một dự án phát triển dự kiến. Việc phục hồi một vùng đất bị ảnh hưởng trở về điều kiện trước đó thường sẽ dễ hơn khi chúng ta có những hiểu biết chi tiết về những hệ sinh thái tương tự chưa bị xáo trộn.

Chi phí thu thập dữ liệu cơ bản thường là một trong những chi phí đơn lẻ lớn nhất trong việc chuẩn bị lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Thu thập và phân tích dữ liệu cũng có thể là việc tốn thời gian nhất khi đánh giá tác động môi trường. Chi phí có thể giảm được đáng kể, trong khi vẫn duy trì được chất lượng và độ chính xác, nếu có sẵn dữ liệu cơ bản và thông tin. Những chương trình giám sát dài hạn như sáng kiến giám sát chất lượng nước của MRB là vô cùng quan trọng trong việc chuẩn bị các xem xét môi trường địa phương. Qua thời gian, những nỗ lực thu thập dữ liệu của chương trình này có thể được sử dụng để phán đoán được tình trạng chung về chất lượng nước của lưu vực và để xác định những vùng nhạy cảm của các hệ sinh thái. Bằng cách này, những dự án được đề nghị đặt trong những vùng ô nhiễm nhạy cảm hơn hoặc phát triển nhạy cảm hơn có thể là những đối tượng tùy thuộc những điều kiện bảo vệ môi trường như một phần của sự chấp thuận dự án của họ.

Những vấn đề xuyên biên giới và sự quản lý Sông Danube

Sông Danube chảy qua hầu hết các vùng phía đông và trung tâm của Châu Âu. Tương tự sông Mê Công, sông Danube cũng có vấn đề quản lý môi trường xuyên quốc gia tương tự. Sông Danube bắt nguồn ở Đức, chảy theo hướng tây với tổng chiều dài 2.860 km và đổ vào Biển Đen ở Rumani. Chỉ có một phần rất nhỏ của Danube thoát khỏi ảnh hưởng của con người. Sông Danube có hơn 300 phụ lưu, 60 trong số đó có thể giao thông thủy và sông Danube là một trong những trục giao thông cơ bản xuyên Châu Âu. Nó là một nguồn năng lượng sống còn đối với các quốc gia đã ngăn sông và xây dựng những nhà máy thủy điện.

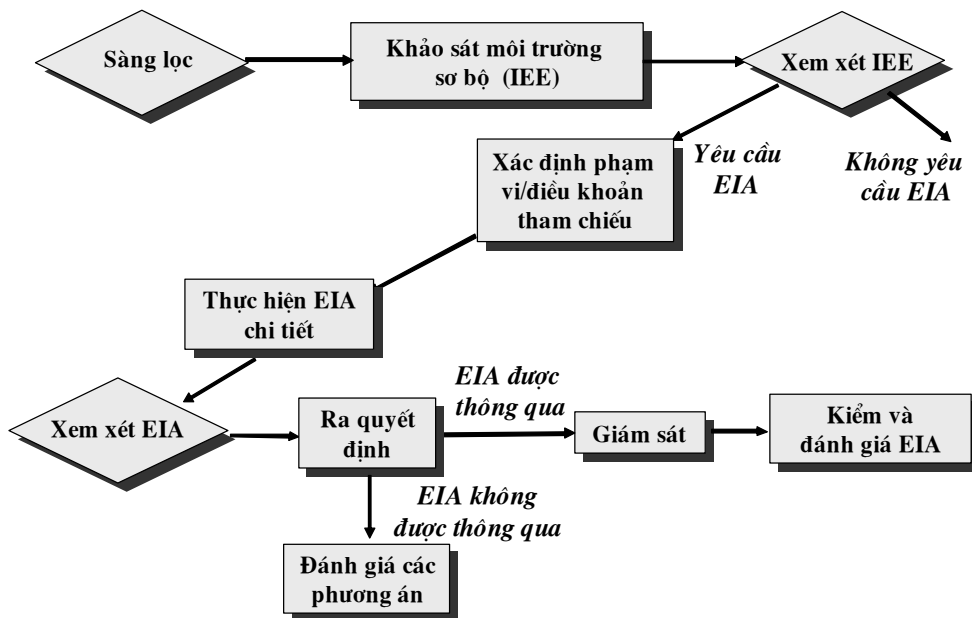
Diện tích lưu vực sông Danube hơn 777.000 km² và thuộc các nước Đức, Austria, Slovakia, Hungary, Serbia, Montenegro, Croatia, Bosnia và Herzegovina, Slovenia, Bulgaria, Romania, và Ukraine. Với nhiều lợi ích liên quan nên những tranh cãi về việc sử dụng sông và các nguồn tài nguyên của nó là không thể tránh được. Quyết định của một quốc gia về việc xây dựng đập sẽ chắc chắn ảnh hưởng tới việc sử dụng nước sông của những quốc gia hạ lưu. Sự kình địch giữa các quốc gia trong việc sử dụng dòng sông sẽ là một phần dài trong lịch sử của nó.

Sông Danube là một nguồn nước sinh hoạt cho gần 10 triệu người, vì vậy nhiều phần của sông đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự suy giảm môi trường nhanh chóng. Những ảnh hưởng của con người, kết hợp với chiến tranh và nhiều thập kỷ không có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và đổ tràn lan chất độc, kết hợp với nhau đã phá huỷ gần như 80% những vùng đầm lầy của lưu vực sông Danube và những vùng chăn thả gia súc trong suốt thế kỷ này.

Những cố gắng hiện tại trong Hạ lưu sông Danube đã tập trung vào những nỗ lực kết hợp để phục hồi. Tổng thống của sáu quốc gia ở trung tâm và phía đông Châu Âu và các bộ trưởng môi trường từ 9 quốc gia đã thoả thuận một bản tuyên bố chung phục hồi trong nhiều thập kỷ sự ô nhiễm và làm mới lại những nguồn tài nguyên thiên nhiên trong lưu vực. Những nhà lãnh đạo này nhận thức rằng những vấn đề sử dụng và bảo vệ xung quanh sông Danube vượt rất xa năng lực quản lý của mỗi quốc gia đơn lẻ. Họ nhận thức rằng đánh giá những ảnh hưởng môi trường trong lưu vực và những quyết định đề cập tới quyền sử dụng phải được đề cập với qui mô khu vực, với sự hướng dẫn và hỗ trợ quốc tế đầy đủ.

BÀI 04 - TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đánh giá tác động môi trường là một quy trình gồm nhiều bước, trong đó rất nhiều vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường được quan tâm, xem xét nhằm xác định vấn đề nào của dự án gây sức ép cho môi trường không, hay có nên cho phép dự án được tiếp tục hay không. Hiệu quả của báo cáo đánh giá tác động môi trường phụ thuộc vào sự hoàn thiện của quy trình đánh giá có trình tự bao trùm tất cả các khía cạnh của một dự án hoặc hoạt động dự kiến như được mô tả ở hình 1. Quy trình đánh giá tác động môi trường cơ bản bao gồm 6 bước riêng rẽ từ sàng lọc các dự án/hoạt động để xác định xem liệu các dự án/hoạt động này có cần đánh giá tác động môi trường hay không cho tới việc thẩm định tính đầy đủ của qui trình đánh giá và hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu đòi hỏi. Bài học này cung cấp cho người học tổng quan các khía cạnh mang tính thủ tục của mỗi bước trong quy trình đánh giá tác động môi trường. Chi tiết bổ sung về các khía cạnh kỹ thuật của đánh giá tác động môi trường bao gồm dự đoán những tác động môi trường tiềm tàng, đánh giá rủi ro trong quá trình thông tin ra quyết định và giám sát môi trường được cung cấp ở khoá học E.



Hình 1. Những thành phần của đánh giá tác động môi trường

SÀNG LỌC

Sàng lọc dự án là quy trình được thực hiện để xác định xem liệu dự án có cần thực hiện đánh giá tác động môi trường hay không, và nếu có thì đánh giá môi trường ở mức độ nào. Không phải tất cả các dự án phát triển kiến nghị đều đòi hỏi phải đánh giá tác động môi trường, bởi vì một số dự án có thể không đe dọa tới môi trường. Đòi hỏi tất cả các dự án đề xuất đều phải có đánh giá tác động môi trường sẽ gây lãng phí thời

gian, tiền bạc và năng lực xem xét kỹ thuật. Sàng lọc trả lời câu hỏi đầu tiên là liệu có cần thiết phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hay không.

Sàng lọc thường rất rõ ràng, bởi vì hầu hết các qui định pháp luật về đánh giá tác động môi trường hiện hành đều liệt kê chi tiết danh mục các loại dự án và mức độ thích hợp về xem xét môi trường. Những loại dự án đề nghị thường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường chi tiết được tổng kết ở bảng 1.

Bảng 1. Những loại dự án thường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường chi tiết.

Ngành	Loại dự án
Công nghiệp	Sản xuất kim loại thô Thuộc da Sản phẩm khoáng vật phi kim (xi măng, kính, vôi) Sản phẩm rừng (nhà máy cưa, bảo quản gỗ) Dệt nhuộm Sản xuất pin chì-axit Sản xuất phân bón/thuốc trừ sâu
Khai thác	Mỏ than Mỏ xa bờ biển Mỏ khoáng vật Mỏ vàng Khai thác cát và sỏi Đá xây dựng và khai thác khoáng sản công nghiệp
Năng lượng	Những đường truyền tải điện và trạm bù áp Nhà máy điện Các đường ống dẫn Phương tiện dự trữ năng lượng
Thải rác	Phương tiện quản lý chất thải lỏng của chính quyền địa phương Phương tiện quản lý chất thải rắn của chính quyền địa phương
Sản xuất thức ăn	Nhà máy đóng gói thịt Nhà máy giết mổ gia súc Nhà máy xử lý cá
Giao thông	Phương tiện giao thông đường biển Phương tiện giao thông đường bộ Máy bay
Quản lý nước	Đập Đê Những dự án chuyển nước Khai thác nước ngầm Phát triển dải đất ven bờ
Du lịch và nghỉ ngơi	Những địa điểm du lịch

Tuy nhiên, nếu quốc gia chưa có hướng dẫn rà sàng lọc, các nhà quản lý môi trường có thể thực hiện sàng lọc đối với các dự án bằng cách xem xét tới một số vấn đề chính sau:

- Mức độ tin cậy trong việc dự báo về ảnh hưởng môi trường? Nếu người đánh giá không chắc chắn về độ tin cậy của thông tin do người đề xuất dự án cung cấp, họ có thể yêu cầu xem xét môi trường chi tiết hơn;
- Vị trí dự án? Vị trí thường là yếu tố đơn lẻ quan trọng nhất góp phần vào những tác động xấu tiềm tàng của dự án. Nếu một dự án nằm trong hoặc gần công viên quốc gia hoặc vùng nhạy cảm về môi trường, thì xem xét về môi trường cần phải chặt chẽ, nhấn mạnh vào các biện pháp bảo vệ và giảm thiểu. Một cách lý tưởng, dự án nên được đặt ở những nơi mà môi trường tự nhiên sẽ bị ảnh hưởng ở mức thấp nhất;
- Có thể hạn chế được các tác động không? Nếu có thì trong phạm vi nào? Nếu thiết kế của dự án hoặc công nghệ sử dụng có thể hạn chế thích đáng các tác động trong một phạm vi nhất định thì những nhà ra quyết định có thể không yêu cầu phải đệ trình báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết. Tuy vậy, xác lập phạm vi tác động có thể chấp nhận được là việc khó do đôi khi những tác động môi trường được quan sát thấy tại những vị trí rất xa vị trí dự án, thậm chí còn vượt ra ngoài biên giới quốc gia;
- Mức độ quan tâm hoặc tham của cộng đồng đối với một dự án cụ thể như thế nào? Sự phản đối mạnh của công chúng đối với dự án gợi ý rằng nó cần phải được nghiên cứu cẩn thận các ảnh hưởng tiềm tàng tới môi trường và xã hội để đảm bảo rằng chúng đã được hiểu biết một cách thích đáng và cân nhắc kỹ lưỡng trong quyết định nên thông qua hay bác bỏ dự án, và quyết định những biện pháp giảm thiểu đi kèm với việc chấp thuận dự án.

Một cảnh báo quan trọng cần được nêu liên quan đến việc sàng lọc dự án. Thường xuyên thì việc sàng lọc dự án tùy thuộc vào quy mô dự án. Ví dụ, những đường ống dẫn dầu và gas dài hơn 25km có thể phải đánh giá tác động môi trường, trong khi những đường ống tương tự ngắn hơn 25km thì không cần. Tuy nhiên, trên thực tế, các điều kiện môi trường tự nhiên ở vị trí dự án sẽ quyết định sự có hay không cần thiết thực hiện đánh giá tác động môi trường. Cuối cùng, khả năng phán đoán thông thường phải được sử dụng trong việc quyết định liệu một dự án đề nghị có "khai hoả" cho sự cần thiết thực hiện đánh giá tác động môi trường hay không.

Chính sách sàng lọc môi trường của Ngân hàng thế giới

Ngân hàng Thế giới tiến hành sàng lọc môi trường bằng cách phân các dự án ra thành 3 nhóm, dựa trên loại, vị trí, quy mô và mức độ nhạy cảm của dự án.

Dự án nhóm A:

Dự án được xếp vào nhóm A nếu nó có những dấu hiệu ảnh hưởng nghiêm trọng, nhạy cảm, đa dạng hoặc chưa có tiền lệ tới môi trường. Các dự án thuộc nhóm A cần phải thực hiện đánh giá tác động môi trường chi tiết. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải nghiên cứu các tác động tích cực và tiêu cực, và so sánh chúng với những phương án thay thế khả thi. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải đề xuất mọi biện pháp cần thiết để phòng tránh, giảm tối đa, giảm nhẹ hoặc đền bù cho những ảnh hưởng bất lợi và cải thiện diện mạo môi trường.

Một số thí dụ về các dự án thuộc nhóm A bao gồm: đập và hồ chứa, phát triển lưu vực sông, phát triển khai khoáng và các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.

Dự án nhóm B:

Dự án được xếp vào nhóm B nếu những tác động bất lợi chủ yếu của chúng tới sự phát triển dân số hoặc những vùng quan trọng của môi trường, bao gồm những vùng đất ngập nước, rừng, đồng cỏ và những vùng sinh sống tự nhiên khác nhưng bất lợi ít hơn những dự án thuộc nhóm A. Những ảnh hưởng này tại những vùng cụ thể, và chỉ có một số ít những ảnh hưởng là không thể thay đổi được. Trong hầu hết các trường hợp, các biện pháp giảm thiểu thường dễ dàng hơn so với những dự án thuộc loại A. Các dự án thuộc nhóm B không yêu cầu thực hiện đánh giá tác động môi trường chi tiết nhưng Ngân hàng Thế giới vẫn đòi hỏi phải có những phân tích về môi trường.

Một số thí dụ về các dự án thuộc nhóm B bao gồm: cấp nước nông thôn và cải thiện điều kiện vệ sinh, tưới và tiêu (quy mô nhỏ), nuôi trồng thủy sản và chuyển tải điện.

Dự án nhóm C:

Dự án được xếp vào nhóm C nếu nó ảnh hưởng rất ít hoặc không ảnh hưởng tới môi trường. Các dự án thuộc nhóm này không đòi hỏi phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc phân tích môi trường.

Một số thí dụ về các dự án thuộc nhóm C bao gồm: giáo dục, hỗ trợ kỹ thuật, lập kế hoạch về gia đình và sức khỏe.

KHẢO SÁT MÔI TRƯỜNG SƠ BỘ

Sau khi dự án được sàng lọc và thấy có khả năng gây ra những tác động môi trường, sẽ phải tiến hành khảo sát môi trường sơ bộ (IEE). IEE được sử dụng để xác định những tác động môi trường có thể xảy ra và để quyết định xem liệu có cần thiết phải tiến hành đánh giá tác động môi trường chi tiết hay không. IEE thường là một đánh giá môi trường tốn ít chi phí, sử dụng những thông tin sẵn có. IEE được hướng dẫn bởi các ý nghĩa chuyên nghiệp của các chuyên gia - những người am tường về những loại tác động do các loại dự án tương tự gây ra. IEE mô tả dự án và nghiên cứu

những giải pháp thay thế, xác định những vấn đề liên quan tới cộng đồng và những ảnh hưởng môi trường và cung cấp chỉ dẫn cho đánh giá tác động môi trường tương lai. Những mục đích tổng quát của IEE bao gồm:

- Xác định tất cả những vấn đề đáng kể về môi trường, bao gồm bản chất và mức độ nghiêm trọng của những vấn đề này.
- Giải quyết những vấn đề môi trường đơn giản thông qua việc áp dụng những biện pháp bảo vệ môi trường cần thiết hoặc có thể tiến hành một chương trình giám sát hạn chế để đánh giá tình trạng không chắc chắn của qui mô hoặc mức độ của những ảnh hưởng tiềm tàng
- Xây dựng trọng tâm cho những nghiên cứu tiếp theo dựa trên những vấn đề môi trường quan trọng chưa được giải quyết.
- Bắt đầu xác định các biện pháp giảm thiểu tác động và các phương án giảm tác động cho những vấn đề môi trường nghiêm trọng.

Kết quả của IEE thường là một trong 3 lựa chọn. Nếu dự án không có những tác động môi trường đáng kể, thì IEE giữ vai trò là báo cáo đánh giá tác động môi trường cuối cùng và không cần phải nghiên cứu thêm về môi trường. IEE có thể tìm ra những tác động môi trường có giới hạn có thể dễ dàng quản lý, do đó chỉ cần có bổ sung nhỏ về nghiên cứu môi trường. Tuy nhiên, nếu qua IEE thấy có những tác động môi trường chưa rõ hoặc là đáng kể thì sẽ phải thực hiện một đánh giá tác động môi trường chi tiết.

Có lẽ yêu cầu riêng lẻ quan trọng nhất để một IEE có hiệu quả là nó phải được thực hiện bởi những chuyên gia giỏi - những người đã chứng tỏ hiểu biết của mình về những vấn đề môi trường nảy sinh từ các dự án hoặc hoạt động đề xuất. IEE thường được thực hiện nhanh và trong một ngân quỹ giới hạn, bởi vậy vấn đề cốt yếu là những chuyên gia tham gia phải có ý kiến đánh giá xuất sắc. Những quyết định dựa trên IEE ảnh hưởng đến phạm vi và nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hiển nhiên, một IEE tồi có thể dẫn đến việc nhận diện sai những tác động môi trường đáng kể. Một IEE tốt có thể đưa đến các giải quyết các vấn đề môi trường mà không cản trở đến sự phát triển những lợi ích kinh tế (một trong những ý kiến phản đối thực hiện đánh giá tác động môi trường là những dự án tốt về môi trường có thể bị huỷ bỏ bởi sự chậm trễ trong việc đánh giá và thông qua dự án).

Để làm khái niệm IEE dễ hiểu hơn, chúng ta có thể chia nó thành 5 bước. Việc thảo luận từng bước một như sau:

Bước 1: Xác định những vấn đề môi trường tiềm tàng quan trọng

Để xác định được những vấn đề môi trường tiềm tàng quan trọng (SEI) của một dự án, IEE cần xác định tất cả các thành phần môi trường có thể bị suy giảm do tác động của dự án hoặc hoạt động dự kiến. Đối với những dự án đang thực hiện, ví dụ là một nhà máy hoá chất, cần thiết phải quan tâm tới những tác động có khả năng xảy ra cả trong quá trình xây dựng và khi vận hành. Những thành phần môi trường bị rủi ro được xem xét là những thành phần môi trường hoặc thành phần của hệ sinh thái có giá trị (VEC).

Những ảnh hưởng tiềm tàng của dự án cần được xác định cho mỗi VEC và cho tất cả các VEC trong phạm vi không gian của dự án. Những tác động lũy tích tới một vùng, bao gồm những tác động từ những dự án khác đang tồn tại và những dự án đã được lập kế hoạch cũng cần thiết được xem xét. Bảng 2 là một ma trận ví dụ cho việc xác định các SEI

Bảng 2. Ví dụ về ma trận xác định những vấn đề môi trường đáng kể

Thành phần môi trường có giá trị (VEC)	Chất lượng nước mặt	Chất lượng không khí	Địa chấn học/Địa chất học	Xói mòn	Chất lượng đất	Thủy sản	Rừng	Động vật hoang dã trên cạn đất	Tiếng ồn	Sử dụng đất	Mỹ Học	Công nghiệp	Tái định cư	Khảo cổ học/Lịch sử	Sức khỏe cộng đồng	Kinh tế xã hội
Những dự án phát triển																
Cảng và bến cảng	*	*		+		*			+			*	-		-	*
Sân bay		*							*				*		-	*
Vận chuyển nhanh		-	*	-			+	+	+	+		+	*	+	-	*
Đường cao tốc	-	*	-			+	*	+	*	+	-	-	+	-	-	*
Đường ống dẫn dầu/khí		+	*	*	+	+	+	+	-	*	-	*		+	-	*

*: tác động nghiêm trọng

+: tác động vừa.

-: tác động không nghiêm trọng

Xem xét thứ tự của những tác động tiềm tàng khác biệt là bước cuối cùng trong việc xác định các SEI. Đây là bước phức tạp bởi sự tiềm ẩn của một số thứ tự tác động xảy ra. Việc xác định những tác động rõ ràng của một loại phát triển cụ thể dựa trên những kinh nghiệm quá khứ là dễ dàng. Tuy nhiên, những tác động xếp thứ hạng đầu tiên, có thể tự gây ra tác động gia tăng, chúng ta gọi chúng là những tác động cấp hai (hệ quả của tác động thứ nhất), hoặc loại hai. Những tác động cấp 2 có thể gây ra những tác động cấp 3 hoặc loại 3 và chu trình có thể tiếp diễn vô hạn định. Bảng 3 đưa ra những ví dụ về chu trình của những tác động bậc thang về môi trường. Ví dụ này đưa đến tác động tiềm tàng cấp ba, nhưng những tác động mới, gây ra từ tác động cấp trước đó có thể tiếp tục xảy ra đến cấp bốn hoặc hơn nữa, tùy thuộc vào loại dự án và mức độ phức tạp của hệ sinh thái bị đe dọa.

Bảng 3. Những thí dụ về những ảnh hưởng bậc thang từ các hoạt động của dự án

Hoạt động dự án	Cấp một (Thứ nhất) tác động	Cấp hai (Thứ hai) tác động	Cấp ba (Thứ ba) tác động
Tiêu nước vùng trũng cho nông nghiệp	Đục nước/Bồi lắng	Suy giảm các hoạt động quang hợp của các loài thực vật thủy sinh Vùi lấp những bãi sinh sản của động vật thủy sinh.	Suy giảm khả năng cung cấp thức ăn cho cá Suy giảm số lượng cá con
	Thay đổi dòng chảy	Thay đổi hình thái học của dòng sông và phân phối dòng chảy	Suy giảm chất lượng môi trường sống của cá
	Mất môi trường sống theo mùa của cá	Giảm lượng cá đánh theo mùa.	Kinh tế địa phương chịu áp lực từ việc cá đánh bắt giảm.
Xả nước thải công nghiệp chưa được xử lý	Thay đổi độ đục và nhiệt độ	Giảm số lượng của những loài cá nhạy cảm.	Thay đổi sự cân bằng tự nhiên của cá địa phương.
	Độc tính của dòng thải (tác động tiềm tàng tới cả con người và hệ sinh thái nước)	Nhiễm độc cấp tính tới hệ sinh thái thủy sinh (làm chết cá)	Nhiễm độc mãn tính tới hệ sinh thái thủy sinh (giảm khả năng sinh sản của một số loài cá)

Bước 2 : Thu thập thông tin

Thu thập thông tin là một giai đoạn của IEE cho phép người đánh giá làm quen với những chi tiết về dự án hoặc hoạt động phát triển dự kiến. Những dữ liệu cụ thể cần được thu thập trong bước này bao gồm:

- Loại, quy mô, vị trí dự án.
- Phạm vi tác động – xem xét đến những tác động của dự án tới tài nguyên vật lý, sinh học, tài nguyên phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống, những dự án đang tồn tại và những dự án đã được lập kế hoạch.

Các nguồn thông tin có trong các báo cáo hiện có về tài nguyên môi trường có trong vùng dự án, ví dụ các loại đất, các loài cá di cư và chế độ thủy văn. Những báo cáo đánh giá trước đó, bao gồm những báo cáo IEE và đánh giá tác động môi trường cho những loại dự án tương tự hoặc những báo cáo của những dự án gây ra những tác động tương tự đều có thể cung cấp những thông tin hữu ích. Những thông tin bổ sung có giá trị có thể được phát hiện thông qua những cuộc trao đổi với những người sử dụng tài nguyên ở địa phương như các ngư dân, già làng, Thông tin thu được từ những nguồn này thường được tham khảo như những hiểu biết sinh thái truyền thống (TEK).

Bước 3 : Phân loại những ảnh hưởng

"Ảnh hưởng môi trường" và "Tác động môi trường" là những thuật ngữ nhìn chung đề cập đến cùng một vấn đề: sự thay đổi các điều kiện môi trường tự nhiên do một hành động cụ thể gây ra. Những ảnh hưởng có thể là trực tiếp, gây ra bởi một số mặt của dự án và xảy ra vào cùng một thời gian, hoặc là không trực tiếp, gây ra bởi dự án nhưng xảy ra muộn hơn (tức là có chậm lại) hoặc xảy ra ở một khoảng cách xa so với vị trí dự án. Những ảnh hưởng gián tiếp, mặc dù được tách ra theo thời gian hoặc không gian, thường vẫn có thể được những người có kinh nghiệm thực hiện IEE biết trước.

Những ảnh hưởng khác nhau về ý nghĩa, tùy thuộc những đặc điểm sau của chúng:

- Bản chất-tích cực, tiêu cực, trực tiếp hoặc gián tiếp, lũy tích hoặc hiệp lực (hai hoặc nhiều ảnh hưởng hơn kết hợp lại tạo nên một ảnh hưởng mới);
- Cường độ;
- Quy mô/vị trí – vùng hoặc khối lượng bị ảnh hưởng và sự phân bố không gian của ảnh hưởng;
- Thời gian - những ảnh hưởng thường khác nhau tùy thuộc vào giai đoạn của dự án, như trong thời gian xây dựng, vận hành hoặc ngừng vận hành .

Phân loại những ảnh hưởng môi trường cũng phụ thuộc vào thời gian ảnh hưởng dài hay ngắn, ngắt quãng hay liên tục. Những ảnh hưởng môi trường có thể được xem là ít nghiêm trọng nếu chúng là có thể triệt tiêu được, đối ngược với sự suy giảm lâu dài của một số VEC. Cuối cùng, mức độ tin cậy trong dự đoán ảnh hưởng sẽ góp phần vào chất lượng chung của việc phân loại các ảnh hưởng. Nhìn chung, sự phân loại những ảnh hưởng có chất lượng cao sẽ đề cập tới những điểm sau:

- Tầm quan trọng của tài nguyên bị ảnh hưởng;
- Cường độ và phạm vi của ảnh hưởng;
- Thời gian và chu kỳ;
- Rủi ro/khả năng có thể xảy ra;
- Khả năng triệt tiêu;
- Sự đóng góp vào các tác động lũy tích.

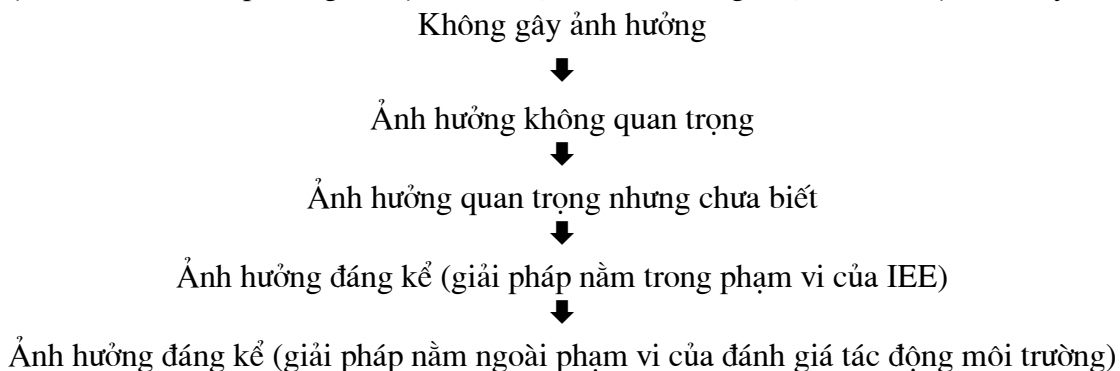
Bước 4 : Để cập tới các SEI

Chiến lược được lựa chọn cho giải pháp về các SEI phụ thuộc vào số lượng, loại và tầm quan trọng của nó. Nghiên cứu phương án có thể thay thế dự án có lẽ là một trong những cách hiệu quả nhất để đề cập tới những tác động môi trường nghiêm trọng hơn. 'Không xây dựng' và 'thay đổi địa điểm' là 2 phương án cực đoan trong việc cân nhắc lựa chọn dự án. Với sự phản đối mạnh mẽ của công chúng hoặc vị trí dự án đề xuất nằm trong khu vực có vấn đề nghiêm trọng về môi trường, những người ra quyết định có thể quyết định loại bỏ hoàn toàn đề xuất dự án đó. Thông thường, sự thay đổi về vị trí dự án có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm những ảnh hưởng về môi trường.

Những lựa chọn phương án thay thế cũng cần được xem xét khi quyết định làm thế nào để giải quyết được SEI tiềm tàng. Ví dụ, xem xét một đề xuất cho một nhà máy phát điện mới. Nhà máy mới này có thực sự cần thiết không? hoặc có thể sử dụng hiệu quả hơn công suất điện hiện có không? Hoặc, trong trường hợp của một đề xuất về nhà máy bột giấy, chúng ta có thể hỏi là các giải pháp xử lý tốt nhất đã được đưa vào thiết kế nhà máy như việc tái sử dụng nước qua xử lý, hoặc giảm thiểu tác động đến nguồn nước nơi nước thải của nhà máy chảy ra. Lập chương trình về các giải pháp thay thế, như thời gian xây dựng dự án, hoặc giải pháp đầu vào như việc sử dụng những nguyên liệu thô khác nhau, hoặc các nguồn năng lượng, cũng có thể được xem xét khi phân tích những phương án thay thế cho nhà máy bột giấy.

Bước 5 : Lập báo cáo kết quả IEE

Mục đích của báo cáo IEE về cơ bản là định mức độ những ảnh hưởng quan trọng của dự án đề xuất. Các phương án định mức độ các ảnh hưởng được minh họa dưới đây.



XÁC ĐỊNH PHẠM VI

Xác định phạm vi là một trong những bước quan trọng nhất của đánh giá tác động môi trường. Chỉ khi những ranh giới phù hợp về không gian và thời gian của một dự án đề xuất được thiết lập và tất cả những tác động môi trường nghiêm trọng tiềm tàng được xem xét, đánh giá tác động môi trường mới đưa ra đánh giá chính xác về dự án.

Khi xác định phạm vi phù hợp cho việc đánh giá, điều quan trọng là nắm bắt được tất cả những tác động môi trường tiềm năng đáng kể liên quan đến một dự án đề xuất mà không đặt gánh nặng phiến hà cho người người đề xuất dự án trong việc hoàn thành

đánh giá. Một phạm vi quá hẹp sẽ có khả năng bỏ qua một số yếu tố hoặc ảnh hưởng quan trọng, nhưng một phạm vi quá rộng có thể làm việc đánh giá môi trường sẽ nặng nề hoặc bị kéo dài.

Để minh họa cho tầm quan trọng của việc xác định đúng đắn giới hạn không gian cho đánh giá tác động môi trường, có xét đến ví dụ về một dự án đập thủy điện và hồ chứa lớn. Một phạm vi hẹp có thể hạn chế chỉ đánh giá môi trường trong ranh giới địa lý ngay tại vị trí dự án. Tuy nhiên, tác động môi trường của những dự án đập thường xảy ra rất xa ngoài phạm vi vùng dự án. Cá ở hạ lưu của đập có thể bị ngăn chặn vĩnh viễn tới các bãi đẻ, và những di chuyển thông thường của những động vật hoang dã có thể bị hạn chế, gây nên sức ép và phá vỡ môi trường sống. Để đề cập một cách hợp lý giới hạn không gian cho đánh giá tác động môi trường của đập cần được lập cho phạm vi rộng.

Nhìn chung, việc xác định phạm vi nên gồm những bước sau:

- Rà soát tất cả những thông tin hiện có về mục đích và sự cần thiết của dự án dự kiến;
- Thăm quan vị trí dự án và các vị trí có thể thay thế;
- Phỏng vấn các đại diện cộng đồng địa phương có thể bị ảnh hưởng bởi dự án;
- Liên lạc với tất cả những bên quan tâm có tham gia trong dự án (ví dụ Cục thủy sản);
- Trao đổi ý kiến với các nhà khoa học của địa phương và vùng để nhận được hướng dẫn cho các vấn đề kỹ thuật (ví dụ hỏi ý kiến của họ về những tác động tiềm tàng của dự án liên quan tới nghề đánh cá).

Mục đích tổng quát của việc xác định phạm vi là nhận dạng những vấn đề nào cần được xem xét trong đánh giá tác động môi trường. Sản phẩm của việc xác định phạm vi là các điều khoản tham chiếu (ToR) có đưa ra giới hạn rõ ràng về không gian và thời gian cho đánh giá tác động môi trường và những câu hỏi phải được nêu ra trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. ToR có thể được coi như một bản liệt kê những mục cần kiểm tra của đánh giá tác động môi trường, để hoàn thành việc đánh giá. Một ví dụ về ToR cho một đánh giá tác động môi trường chi tiết được chỉ ra ở bảng 4.

Bảng 4. Một phần khung công việc để xây dựng ToR cho đánh giá tác động môi trường.

Các phần EIA	Thành phần thông tin	Yêu cầu cơ bản
<i>Nội dung</i>	Vấn đề	Tổng kết các vấn đề phát triển cơ bản hoặc các vấn đề sẽ được giải quyết bởi các hoạt động đề xuất gây ra (như ô nhiễm nước, hạn hán, xói mòn, mối quan tâm đến sức khoẻ cộng đồng).
	Giải pháp đề xuất	Tóm tắt cách thức các hoạt động đề xuất giải quyết được các vấn đề.
	Mục tiêu của đánh giá tác động môi trường	Chỉ rõ các đối tượng của đánh giá tác động môi trường và các cách thức sẽ được sử dụng trong việc lập dự án, thiết kế, thực hiện, giảm thiểu/quan trắc.
<i>Thiết lập tổ chức</i>	Cơ sở luật/chính sách	Tóm tắt các cơ sở về luật lệ, chính sách và thủ tục của đánh giá tác động môi trường.
<i>Những sự lựa chọn</i>	Những sự lựa chọn cho dự án	Đánh giá triển vọng của việc thay đổi vị trí dự án tới một khu vực khác.
	Những phương án lựa chọn ngay trong dự án	Đánh giá các phương án thay thế cho các khía cạnh chính của dự án đề xuất (như các lựa chọn để bảo toàn năng lượng, các nguồn nguyên liệu thô, công nghệ kiểm soát ô nhiễm).
	Các dự án khác	Đánh giá khả năng đạt được cùng một mục tiêu phát triển bằng cách tiến hành các dự án hoàn toàn khác dự án được đề xuất.
<i>Yêu cầu về thông tin và dữ liệu</i>	Mô tả dự án	Mô tả dự án: vị trí, sơ đồ bố trí, quy mô, công suất. Mô tả đầu vào: đất đai, các nguyên liệu thô, năng lượng. Mô tả đầu ra: sản phẩm, phụ phẩm, chất thải.
	Mô tả môi trường	Nghiên cứu xác định các biên và dữ liệu cơ bản liên quan đến các điều kiện sinh thái, kinh tế và xã hội trong phạm vi các biên trên.
	Chất lượng thông tin	Đánh giá chất lượng của tất cả các thông tin. Xác định các lỗ hổng về dữ liệu và thông tin, tóm tắt cách thức mà những hạn chế này sẽ ảnh hưởng tới các kết luận của đánh giá tác động môi trường cuối cùng.
<i>Phân tích các tác động</i>	Những tác động tích cực	Dự đoán cuộc sống của mọi người và các điều kiện của môi trường sẽ được cải thiện do kết quả của hoạt động đề xuất như thế nào.
	Những tác động tiêu cực	Dự đoán bất kỳ sự suy giảm đáng kể nào về các điều kiện sinh thái và các tiêu chuẩn sống của con người do hậu quả của hoạt động đề xuất.
	Những tác động lũy tích	Đánh giá sự đóng góp của dự án tới sự thoái hoá nhanh chóng của môi trường tự nhiên xung quanh.
	Những tác động xuyên biên giới	Đánh giá tiềm năng của dự án về các tác động tới các nước lân cận.
<i>Quản lý môi trường</i>	Giảm thiểu	Cung cấp một kế hoạch chi tiết bao trùm các biện pháp giảm thiểu những tác động được dự đoán.
	Quan trắc	Cung cấp một kế hoạch chi tiết việc lấy mẫu và phân tích các biến số môi trường sẽ được giám sát trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG ĐẦY ĐỦ

Một khi ToR cho một dự án đề xuất đã có, việc đánh giá dự án có thể bắt đầu. Như đã nêu trong phần trước, ToR là một bản liệt kê những mục cần được kiểm tra sẽ được đề cập trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Từ triển vọng đó, ToR cung cấp một lộ trình cho việc đánh giá, xác định rõ ràng những giới hạn về không gian và thời gian và cho những nhà đánh giá biết những tác động tiềm tàng nào cần phải được đề cập trong khi hoàn thiện báo cáo của họ.

Tổng quan của đánh giá tác động môi trường chi tiết phải được tổ chức giống như một báo cáo đánh giá tác động môi trường theo một định dạng giúp người đọc dễ dàng theo dõi những trình bày. Người đọc được giới thiệu ngắn gọn về mỗi khía cạnh của báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết và những cân nhắc quan trọng cho các nhà đánh giá và cấp ra quyết định được làm nổi bật.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường có thể được gọi bằng một số tên khác nhau, ví dụ như Báo cáo về tác động môi trường (EIS), báo cáo đánh giá môi trường (báo cáo EA), hoặc Báo cáo về các ảnh hưởng môi trường (EES). Dù bản báo cáo có tiêu đề là gì, nội dung của chúng về cơ bản là giống nhau. Cuối cùng, một báo cáo đánh giá tác động môi trường hiệu quả cung cấp thông tin cần thiết cho những người ra quyết định, hướng dẫn họ cân nhắc thận trọng liệu dự án nên được thông qua hay loại bỏ, và nếu được thông qua, biện pháp giảm thiểu nào sẽ được thực hiện để làm giảm thiểu những tác động tiềm tàng.

Tóm tắt báo cáo

Tóm tắt báo cáo là một phần quan trọng của báo cáo đánh giá tác động môi trường, đơn giản bởi nó thường là phần được đọc nhiều nhất. Nó phải cô đọng và xúc tích, và còn phải nói rõ tất cả những vấn đề môi trường quan trọng đã được xác định trong khi hoàn thiện đánh giá. Một cách lý tưởng, báo cáo tóm tắt sẽ bao gồm:

- Một bản tóm tắt những tác động cho từng vấn đề môi trường quan trọng.
- Thông tin cơ bản, bao gồm những bản đồ vị trí và những hỗ trợ khác để hướng người đọc biết về vị trí dự án và các đặc điểm sinh thái của dự án.
- Một danh mục các biện pháp giảm thiểu sẽ được tiến hành để làm giảm những tác động thấy trước, cũng như những cố gắng cải thiện hoặc khôi phục môi trường sinh thái sẽ được tiến hành như là sự đền bù cho những tác động không thể tránh được của dự án.
- Kết luận và kiến nghị

Mô tả dự án

Phần này của báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm một mô tả chi tiết từng giai đoạn của dự án, từ giai đoạn xây dựng đến vận hành và xa hơn nữa là kế hoạch ngừng vận hành bỏ một khi nó hết tuổi thọ. Chia dự án ra thành những giai đoạn theo

các như vậy là quan trọng do nhiều tác động có thể là nhất thời hoặc tạm thời. Ví dụ, xói lở hoặc lắng đọng bùn cát thường là những vấn đề nghiêm trọng trong suốt giai đoạn xây dựng những dự án thủy điện, nhưng tất cả sẽ hết trong giai đoạn vận hành. Trong trường hợp này, những biện pháp giảm thiểu để ngăn ngừa xói lở và lắng đọng có thể chỉ bị yêu cầu trong giai đoạn xây dựng và sẽ ngừng khi sự xáo trộn trên chấm dứt và những biện pháp cải tạo được thực hiện (ví dụ trồng lại cây trên những vùng đất bị xói).

Một ưu điểm khác của việc chia dự án thành nhiều giai đoạn là nó làm đơn giản hoá việc xác định những phương án thay thế tiến hành dự án. Các phản hồi của những người đánh giá trong khi thực hiện đánh giá tác động môi trường về các vấn đề môi trường quan tâm có thể hỗ trợ cho những cố gắng của người đề xuất dự án trong việc đề cập ngay lập tức những vấn đề môi trường để có những điều chỉnh linh hoạt có thể được trong thiết kế dự án.

Ví dụ, những nghiên cứu cơ bản về nghề cá có thể xác định rằng thời gian dự kiến đập đập trên một sông trùng với thời gian sinh sản của một số loài cá quan trọng. Nếu thông tin này được biết trước khi tiến hành xây dựng, thì có thể chỉ đơn giản là thay đổi tiến độ xây dựng vào một thời gian cá không có ở trên sông trong năm. Trong ví dụ này cho thấy, tác động tiềm tàng nghiêm trọng có thể hoàn toàn tránh được thông qua việc lập kế hoạch tốt. Mặc dầu vẫn còn mối quan tâm tới việc cá di cư bị hạn chế khi dự án vận hành, nhưng đó là một vấn đề tách biệt có thể được giải quyết thông qua những biện pháp giảm thiểu phù hợp (như xây dựng thang cá hiệu quả cho phép cá sinh sản có thể di chuyển nhanh chóng qua đập)

Một hạn chế của nhiều đánh giá tác động môi trường là phân mô tả dự án không đầy đủ thông tin và dự đoán những tác động không đầy đủ, thậm chí không đúng sự thật. Bởi lý do này, điều quan trọng là phải nêu chi tiết rõ ràng về qui mô, hoặc qui mô của dự án, bao gồm tất cả mọi hoạt động liên quan cho hoặc của dự án. Qui mô của dự án là đặc biệt quan trọng, một dự án có thể sử dụng rất ít không gian vật lý nhưng vẫn có thể gây ra những ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng. Ví dụ, một nhà máy giấy và bột giấy muốn tăng công suất nghiên lên 50%. Một sự tăng công suất như vậy đương nhiên sẽ đòi hỏi ít đất để xây dựng nhưng sẽ làm gia tăng đáng kể khối lượng các chất thải lỏng xả vào một con sông gần đó và sự khai thác nguyên liệu thô cần thiết để cung cấp cho nhà máy nghiên. Trong trường hợp này, nếu người đánh giá chỉ quan tâm tới qui mô vật lý của sự mở rộng công suất nghiên mà không nhận ra những dấu ấn môi trường sau cùng của dự án thì những tác động môi trường quan trọng của dự án có thể bị bỏ qua.

Mục đích và sự cần thiết của dự án

Phần này của báo cáo đánh giá tác động môi trường nên giải thích rõ ràng mục đích và sự cần thiết của dự án. Mức độ cần thiết không nhất thiết phải được nói đến nhưng những mong muốn về mặt kinh tế, xã hội, có thể cả môi trường và những lợi ích mang lại cần được xác định. Ví dụ, trong khi xây dựng đập trên một con sông lớn sẽ chắc chắn làm phát sinh các tác động đáng kể đến môi trường, nó có thể được chấp nhận nếu dự án đã dự định giải quyết lâu dài những lo ngại về lũ lụt nghiêm trọng ở hạ lưu

trong mùa mưa. Báo cáo với các thông tin rõ ràng về cả ưu điểm và nhược điểm của dự án, sẽ giúp những nhà ra quyết định có đủ những thông tin cần thiết để xác định những thoả hiệp nào có thể chấp nhận được trong quyết định của họ.

Một thí dụ khác là một đề xuất xây dựng mới một cơ sở nghiền giấy, với việc sử dụng các biện pháp công nghiệp tốt nhất hiện có như là thay thế việc sử dụng chất chlorine làm tổn hại đến môi trường trong quy trình nghiền. Những người ra quyết định đối mặt với hai dự án nhà máy nghiền giấy: một dự án sử dụng công cụ quản lý tốt nhất còn dự án kia sử dụng công cụ cũ hơn, công nghệ tẩy chlorine. Họ có thể chọn dự án thứ nhất nếu như nhận thức được sự khác biệt giữa các quy trình nghiền đề xuất.

Một cân nhắc quan trọng trong việc xác định sự cần thiết của một dự án là phải phân biệt sự khác nhau giữa yêu cầu của công chúng đối lại với những yêu cầu cá nhân. Yêu cầu của công chúng có thể được xem như một lợi ích có thể xác định được đối với xã hội trong việc hình thành một dịch vụ, một công trình hay cơ hội. Không có lợi ích này có thể được xem như là một thử thách gay go. Tuy nhiên, yêu cầu của cá nhân, có thể không có lợi ích có thể xác định được đối với xã hội. Trong nhiều trường hợp khi chỉ có duy nhất lợi ích cho người đề xuất dự án và có những tác động môi trường nghiêm trọng hơn, không thể tránh được thì những người ra quyết định cần phải cân nhắc cẩn thận liệu có thông qua dự án hay không.

Mô tả môi trường

Mức độ chi tiết cần thiết trong một báo cáo đánh giá tác động môi trường sẽ phụ thuộc vào sự nhạy cảm của môi trường bị rủi ro và vị trí dự án đề xuất gần nơi sinh sống cộng đồng địa phương. Khi lập kế hoạch dự án, vị trí có lẽ là vấn đề được quan tâm nhất theo khía cạnh môi trường. Về mặt lý tưởng, những hoạt động phát triển nên được qui hoạch ở những khu vực ít có những tác động tiềm tàng nhất (ví dụ: cấm chặt gỗ ở khu rừng mọc lâu năm không bị xáo động, nơi sẽ hỗ trợ cho tính đa dạng cao của hệ sinh thái). Trong thực tế, thường rất khó có thể tránh được những tác động môi trường nếu chỉ dựa vào việc lập kế hoạch tốt. Vì lý do này, đánh giá tác động môi trường cần cung cấp các thông tin liên quan đến môi trường bị rủi ro để quyết định làm thế nào để tiến hành dự án tốt nhất.

Có lẽ nhiệm vụ quan trọng nhất của phần này trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là xác định những điều kiện cơ bản tự nhiên. Một khi biên giới không gian cho đánh giá tác động môi trường được thiết lập, việc nghiên cứu các VEC là rất quan trọng vì chúng có thể bị dự án đề xuất tác động. Thông tin thu được từ các nghiên cứu cơ bản là rất quan trọng trong việc dự đoán đầy đủ những tác động tiềm năng của dự án. Thông tin này cũng cung cấp một điểm chuẩn để có thể đánh giá những tác động thực tế nếu dự án được cho phép thực hiện. Nếu thiếu những hiểu biết đúng đắn về điều kiện cơ sở thì sẽ rất khó đánh giá chính xác những tác động môi trường-phản hồi từ những tác động thực tế xảy ra như là kết quả của dự án có giá trị trong việc dự đoán những tác động môi trường cho những dự án tương tự đề xuất trong tương lai.

Theo lý tưởng, hầu hết các thông tin cơ sở nên sẵn có trong cơ sở dữ liệu của các cơ quan chính phủ. Trong thực tế, rất nhiều thông tin như vậy chưa từng được thu thập ở MRB hoặc chưa được sử dụng rộng rãi. Nếu không có thông tin hiện trạng, thì người đề xuất dự án phải chịu gánh nặng về kinh phí thực hiện những nghiên cứu cơ sở cần thiết

để mô tả một cách thoả đáng những điều kiện môi trường tự nhiên. Những người đề xuất dự án có thể không phải thu thập thông tin cho từng thành phần của môi trường nhưng cần tính đến rõ ràng những thành phần mà có thể bị tác động đáng kể bởi dự án. Danh sách cục bộ những điều kiện tự nhiên liên quan cần xem xét như sau:

- Thành phần tự nhiên: địa hình, đất, khí hậu, nước mặt, nước ngầm và địa chất.
- Thành phần sinh thái: nghề cá, hệ sinh thái nước, động vật hoang dã, rừng, các loài hiếm hoặc bị đe dọa và những khu vực nhạy cảm sinh thái hoặc được bảo vệ.
- Sự phát triển của kinh tế và con người : dân số và cộng đồng (số lượng, vị trí, thành phần, việc làm), cơ sở hạ tầng, công nghiệp (cấp nước, thoát nước, công trình kiểm soát lũ), những nguồn và truyền tải điện, phát triển khai khoáng và du lịch.
- Các giá trị chất lượng cuộc sống : giá trị kinh tế - xã hội, sức khoẻ cộng đồng, giải trí, giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hoá.

NHỮNG TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG LƯỜNG TRƯỚC VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

Xác định và định lượng những tác động tiềm tàng của một dự án đề nghị là phân quan trọng nhất của một báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nếu những tác động môi trường tiềm năng không được đánh giá chính xác thì nó cũng như dự án sẽ bị loại. Thực tiễn đánh giá tác động môi trường hiện tại đặt gánh nặng chứng minh lên người đề xuất dự án - họ phải chứng minh rằng dự án sẽ không gây ra những ảnh hưởng môi trường đáng kể. Nếu đánh giá tác động môi trường không đi đến kết luận về việc xác định những tác động tiềm năng đáng kể hoặc không đưa ra được những giải pháp giảm thiểu có hiệu quả, thì những người ra quyết định rất khó xác định xem liệu dự án có hợp lý giữa sự mất tài nguyên và những lợi ích kinh tế xã hội mà nó mang lại hay không.

Sự giao phó các nguồn tài nguyên không thể thay đổi và không thể bù đắp được.

Khi đánh giá những tác động tiềm tàng thì việc xem xét sự giao phó không thể thay đổi và không thể phục hồi đối với tài nguyên thiên nhiên của dự án là rất quan trọng. Nói một cách khác, tới mức nào đó thì dự án sẽ gây ra những thiệt hại không thể thay đổi được hoặc làm cho một nguồn tài nguyên nào đó không thể sử dụng được? Ví dụ, những dự án mà gây ra một dấu ấn trên những vùng nhạy cảm về sinh thái như vùng đất ngập nước hay những vùng đồng bằng ngập lũ ven sông có thể làm hư hỏng lâu dài chức năng của những hệ sinh thái này, khả năng dẫn tới sự suy giảm chức năng của hệ sinh thái và sự đa dạng sinh học trong thời gian dài. Những phương án giảm thiểu hoặc giảm những tác động sẽ không có khi những nguồn tài nguyên thiên nhiên bị giao phó cho một dự án một cách không có khả năng bù đắp được.

Những tác động môi trường không thay đổi được có thể là chướng ngại đối với một số dự án nhất định. Có lẽ một trong những sức mạnh lớn nhất của một báo cáo đánh giá tác động môi trường tốt là nó xác định rõ ràng những tác động như vậy. Một phân tích được chứng minh, đáng tin cậy về tính khoa học về những tác động không thay đổi

được của dự án có thể vô cùng hữu ích cho những người ra quyết định trong nỗ lực cân nhắc giữa sự mất mát các nguồn tài nguyên với giá trị những tiềm năng mà xã hội thu được. Bi kịch thực tế của một số dự án không phải chỉ ở một chỗ là một số hệ sinh thái bị mất vĩnh viễn, mà con người thậm chí không biết rằng họ đang mất cái gì cho đến khi mọi thứ đều quá muộn.

Một khía cạnh khác cần quan tâm trong việc xác định những tác động không thể thay đổi và không thể bù đắp được là việc lựa chọn khung thời gian để đánh giá tác động. Xem xét một khung thời gian vài trăm năm đối chọi với khung thời gian từ 10 - 25 năm. Để xác định đầy đủ bản chất và qui mô của những tác động không thể thay đổi được, người đánh giá cần xác định là họ muốn bảo vệ một nguồn tài nguyên môi trường cụ thể trong bao lâu. Ví dụ, một công ty khai thác gỗ muốn đốn toàn bộ một rừng gỗ tích rộng lớn, chúng ta có thể kết luận hiển nhiên rằng khung thời gian sẽ là từ 10 - 25 năm, điều này sẽ tạo nên sự giao phó những nguồn tài nguyên không thể thay đổi và không thể bù đắp được. Tuy nhiên, tự nhiên phải mất hàng trăm năm hoặc hơn nữa mới có thể đưa hệ sinh thái này trở lại gần như trạng thái trước khi bị tác động.

Đánh giá tầm quan trọng

Xác định tầm quan trọng của những tác động của dự án hiển nhiên là một yếu tố then chốt của báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, đây có thể là một phần khó viết vì ít có các chỉ dẫn chi tiết hiện nay để xác định tầm quan trọng của những tác động môi trường đối với các loại dự án khác nhau. Đánh giá của chuyên gia và những kiến thức kỹ thuật thích hợp là những đòi hỏi cần thiết cho việc hiểu biết đầy đủ bản chất và qui mô của những tác động môi trường. Như đã được nêu ở trên, hiện các quốc gia ven sông trong lưu vực sông Mê Công đang thiếu những kiến thức như vậy.

Các vấn đề mà các nhà đánh giá nên quan tâm khi đánh giá tầm quan trọng của những tác động môi trường của một dự án đề nghị bao gồm:

- Sự biến mất của những loài quý hiếm hoặc bị đe dọa diệt chủng, hoặc tập quán sinh sản và tìm kiếm thức ăn của chúng;
- Sự suy giảm đa dạng sinh học hoặc tăng những loài ngoại lai;
- Sự mất môi trường sống của các loài hoang dã sinh sản nhiều;
- Sự biến đổi của phong cảnh tự nhiên;
- Những tác động độc hại tới sức khỏe con người hoặc động vật hoang dã;
- Sự suy giảm khả năng có thể phục hồi của các nguồn tài nguyên để đáp ứng được các nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai;
- Sự mất đất và tài nguyên đang được sử dụng cho các mục đích truyền thống hoặc văn hoá.

Tiêu chuẩn bổ sung cho việc đánh giá các vấn đề môi trường của một dự án được tóm tắt ở Bảng 5. Những tiêu chuẩn này nên được đánh giá cho từng tác động.

Bảng 5. Những tiêu chuẩn đánh giá tầm quan trọng của các ảnh hưởng dự án.

Các tiêu chuẩn	Mô tả
<i>Tầm quan trọng</i>	Giá trị đi kèm với hợp phần môi trường cụ thể trong điều kiện hiện tại.
<i>Phạm vi các nhiễu loạn</i>	Khu vực bị ảnh hưởng bởi sự nhiễu loạn đã được dự đoán do dự án gây ra.
<i>Khoảng thời gian và chu kỳ</i>	Khoảng thời gian liên tục mà các hoạt động gây ra nhiễu loạn sẽ xảy ra và chu kỳ xảy ra.
<i>Tính thuận nghịch</i>	Khả năng các thành phần môi trường khôi phục giá trị của chúng sau khi bị tác động.
<i>Rủi ro</i>	Xác suất một vụ việc không dự tính trước do dự án gây ra có thể dẫn đến các tác động bổ sung nghiêm trọng đến môi trường.

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đưa ra hướng dẫn bổ sung trong đánh giá tầm quan trọng của tác động. Những câu hỏi mà ADB kiến nghị đặt ra trong đánh giá các dự án bao gồm:

1. Dự án có gây ra những mất mát không được phép cho sự đa dạng sinh thái quý giá hoặc không thể thay thế được hoặc những nguồn tài nguyên khác không?
2. Dự án có làm nhanh thêm không được phép việc sử dụng những nguồn tài nguyên khan hiếm và thu được lợi ích kinh tế ngắn hạn thay cho kinh tế dài hạn không?
3. Dự án có gây ra những nguy hại không được phép cho những loài có nguy cơ tuyệt chủng không?
4. Dự án có làm tăng việc di dân không mong muốn từ nông thôn ra thành thị đến mức không được phép không?
5. Dự án có làm tăng khoảng cách thu nhập giữa những khu vực dân cư nghèo và giàu không?
6. Dự án có góp phần vào những tác động toàn cầu không? (tăng phát thải CO₂, thủng tầng ozone, thay đổi khí hậu).
7. Dự án có ảnh hưởng tới tài chính quốc gia không? (những dự án thủy điện nội địa làm giảm sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu dầu).

Ấn định tầm quan trọng

Việc sử dụng rộng rãi các hệ thống phân loại để ấn định tầm quan trọng cho việc dự đoán những tác động đã dự đoán được tóm tắt ngắn gọn như dưới đây.

Không tác động

Tác động tiềm năng của dự án có thể được đánh giá là 'không tác động' nếu hoạt động của dự án được loại bỏ về thời gian và không gian từ các VEC.

Tác động đáng kể

Một tác động có thể xếp loại 'đáng kể' nếu hoạt động dự án có khả năng tác động tới một thành phần của môi trường tự nhiên. Những vấn đề cần được xem xét khi quyết định liệu một tác động có phù hợp với sự phân loại này không là:

- Phạm vi không gian của tác động - Nó chỉ hạn chế là tác động môi trường trong vùng dự án, hoặc bên ngoài địa phương, vùng, quốc gia hay vượt ra ngoài biên giới?
- Giới hạn thời gian của những tác động - tác động xảy ra được cho là ngắn, trung bình hay dài hạn?
- Mức độ thay đổi thành phần sinh thái do hoạt động của dự án gây ra (nhỏ, trung bình hay lớn).
- Sự quan trọng với dân cư địa phương - liệu nghề cá địa phương, nước sinh hoạt, các sản phẩm nông nghiệp có bị tác động hay không?
- Phương diện quốc gia hay quốc tế - như là rừng nhiệt đới và các loài quý hiếm hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.

Mặc dù những hướng dẫn này là rất hữu ích trong việc đánh giá tầm quan trọng, nhưng những quốc gia ven sông vẫn muốn phát triển một phương pháp luận riêng cho lưu vực để xác định tầm quan trọng của tác động. Một phương pháp định lượng, cụ thể - bảo vệ được về khoa học có thể giúp chuẩn hoá việc đánh giá tầm quan trọng của những tác động liên quan đến những loại dự án cụ thể. Ví dụ, tầm quan trọng của một tác động có thể được gắn chặt với tiêu chuẩn chất lượng nước và không khí của lưu vực. Những sự khác biệt trong những tiêu chuẩn hiện đang được sử dụng ở các nước MRB có nghĩa là cùng một tác động có thể được coi là quan trọng ở quốc gia thứ nhất nhưng lại là không quan trọng ở quốc gia thứ hai. Sự mâu thuẫn được thể hiện bởi những tiêu chuẩn khác nhau là không mong muốn vì động vật hoang dã thì không cần biết đường biên giới của các nước và cũng như cùng những con sông được chia sẻ giữa các nước.

Trong khi đánh giá tầm quan trọng, người đánh giá nên phân biệt mức độ tác động trước và sau khi những biện pháp giảm thiểu được thực hiện. Hầu hết mối quan tâm trong việc ra quyết định là liệu một dự án có tiến hành tiếp hay không nếu những tác động quan trọng không thể giảm thiểu một cách hiệu quả được; trong khi lại được giả thiết là những biện pháp giảm thiểu cần thiết sẽ được tiến hành một cách phù hợp. Những tác động tiềm tàng có thể được giảm thiểu một cách hiệu quả bằng cách tập trung vào những ảnh hưởng có ý nghĩa còn lại nếu dự án được tiếp tục.

Tác động không quan trọng

Nếu một tác động không được xếp vào loại 'quan trọng', nó có thể được xếp loại 'không quan trọng'.

Tác động chưa biết

Tác động tiềm tàng của một dự án có thể xếp vào loại 'chưa biết' nếu:

- Bản chất và vị trí của dự án chưa rõ ràng.
- VECs xảy ra trong vùng nghiên cứu là không rõ ràng.
- Phạm vi thời gian của ảnh hưởng vẫn chưa rõ.
- Phạm vi không gian mà tác động có thể xảy ra là không xác định.
- Độ lớn của tác động là không thể dự đoán được.

Những tác động xếp loại "chưa biết" nên được coi như những thông tin còn thiếu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Những tác động này đòi hỏi cần được nghiên cứu thêm trước khi quyết định vì tính quan trọng của nó.

Tác động được giảm nhẹ.

Tác động tiềm tàng của một hoạt động dự án đối với một thành phần sinh thái cụ thể có thể coi như 'đã giảm nhẹ' nếu:

- Có khả năng gây ra một tác động nghiêm trọng; và
- Biện pháp giảm thiểu đề xuất sẽ ngăn chặn tác động hoặc làm giảm thiểu nó tới mức tiêu chuẩn chấp nhận được (như những tiêu chuẩn chất lượng nước quốc gia hay quốc tế).

Xem xét phương án thay thế

Nếu một dự án đề xuất được cho là nguyên nhân gây nên những mất mát hoặc suy giảm nghiêm trọng các VEC, báo cáo đánh giá tác động môi trường nên đề cập tới những phương án dự án thay thế để thực hiện mà chúng có thể tạo ra cùng lợi ích như dự án đề xuất nhưng ít tác động hơn (ví dụ: thay đổi vị trí dự án để tránh những vùng nhạy cảm sinh thái). Những nơi phù hợp, các phương án thay thế về địa điểm, thiết kế và công nghệ sẽ được xem xét để các phát hiện có thể được xem xét ngay trong những giai đoạn đầu của việc lên kế hoạch dự án. Những phương án thay thế của dự án có thể bao gồm:

- Lựa chọn địa điểm
- Phương án về thay thế thiết kế hoặc xử lý.

- Quy mô dự án
- Các phương án về tiến độ xây dựng cho những dự án lớn, những dự án được thực hiện theo giai đoạn.
- Phương án thay thế về thời gian xây dựng, vận hành và ngừng hoạt động của dự án.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường nên đưa vào văn kiện lý do cơ bản cho vị trí và thiết kế cuối cùng của dự án, và luận chứng về tất cả những lựa chọn đã làm.

Các biện pháp giảm thiểu

Những biện pháp giảm thiểu tác động được dùng để đối phó với những tác động bất lợi của một dự án phát triển. Báo cáo đánh giá tác động môi trường nên mô tả chi tiết những biện pháp giảm thiểu được kiến nghị. Về lý tưởng, thiết kế dự án trước tiên nhằm tránh những tác động môi trường, sau đó giảm các tác động và cuối cùng mới tính đến việc bồi thường tác động nào không thể tránh được. Mỗi biện pháp giảm thiểu nên được mô tả về:

- Các tác động sẽ được thiết kế để giảm thiểu.
- Hiệu quả trong việc giảm và ngăn ngừa các tác động.
- Phương án thay thế tốt nhất sau biện pháp giảm thiểu đã chọn.
- Chi phí của giảm thiểu
- Kế hoạch thực hiện, xây dựng và duy trì biện pháp giảm thiểu.

Nhìn chung, có một số biện pháp giảm thiểu có được thể áp dụng cho nhiều loại dự án hoặc hoạt động phát triển khác nhau. Ví dụ, biện pháp sử dụng đất đa dạng có thể được dùng để giảm thiểu những ảnh hưởng của canh tác nông nghiệp tập trung đến nguồn nước lân cận khu vực canh tác. Trồng những vùng đệm thực vật giữa những cánh đồng và các dòng suối, cũng như gieo trồng ở bờ các mương rãnh để ngăn bùn xâm nhập vào những hệ thống nước. Về lâu dài, việc quản lý khai thác nước ngầm chặt chẽ và trồng cây che phủ đất trồng có thể làm giảm mức độ xói mòn đất, vì thế kéo dài tuổi thọ của những vùng trồng trọt, giảm nhu cầu khai hoang thêm đất và giảm bón phân cải đất cho đất

Đền bù là một biện pháp giảm thiểu những tác động nghiêm trọng không thể tránh khỏi, cho môi trường thiên nhiên hoặc cho cộng đồng địa phương. Cần bảo vệ hoặc nâng cao để bảo tồn một số chức năng của hệ sinh thái địa phương cho những vùng đất sinh sống xa vị trí dự án nhưng tốt nhất là nằm trong cùng lưu vực. Để đối phó cho những tác động không thể tránh khỏi tại vị trí dự án, những người đề xuất dự án có thể được yêu cầu bảo vệ môi trường sống có giá trị ở một nơi nào đó trong lưu vực. Chính phủ cũng có thể yêu cầu mua quyền đi qua khu vực bảo tồn, mà bản chất là mua quyền phát triển tài sản. Nhờ vào việc thiết lập quyền đi qua khu bảo tồn, phần đất đó có thể được bảo vệ khỏi bất kỳ sự phát triển nào trong tương lai.

Người đề xuất dự án cũng có thể quyết định cải thiện vùng đất mà đã bị các hoạt động phát triển trước đó tác động. Ý tưởng này là không có sự mất mát giá trị thực môi trường sinh sống nào xảy ra bởi vì người đề xuất đã thay thế một cách hiệu quả môi

trường sinh sống bị tác động bởi dự án của họ. Ví dụ, một người đề xuất dự án có thể trồng lại rừng ở một vùng hiện tại đã bị khai thác gỗ hoàn toàn và đưa ra các giải pháp kiểm soát xói mòn và bồi lắng cho đến khi vùng này được ổn định. Qua thời gian, vùng đất này có vẻ rất có thể có khả năng duy trì một số loài hoang dã.

Cuối cùng, người đề xuất có thể được yêu cầu phải bồi thường cho dân địa phương bị dự án của họ tác động. Những bồi thường như vậy có thể dưới hình thức tiền mặt, đất đai cho những người bị mất nhà cửa hoặc giảm giá dịch vụ khi cơ sở hoạt động (ví dụ, trợ cấp điện từ nhà máy thủy điện).

THẨM ĐỊNH VÀ RÀ SOÁT TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Trong những phần trước chúng ta đã làm nổi bật nhiều khía cạnh của quy trình đánh giá tác động môi trường mà qui trình có thể còn tùy thuộc vào những rà soát sau đó. Một báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết thường được xem lại trước khi nó được đệ trình lên những người ra quyết định xem xét. Những báo cáo cũng có thể là đối tượng để các tổ chức quan tâm như những tổ chức tài trợ quốc tế rà soát. Mục đích chính của việc rà soát là thẩm tra tất cả các thành phần được đánh giá theo quy định ở TOR đã được đề cập và các thông tin và những kết luận được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là thích đáng cho việc ra quyết định.

Một lưu ý chính trong việc rà soát một báo cáo đánh giá tác động môi trường là năng lực của người rà soát. Ở nhiều nước đang phát triển, điều khó khăn là tìm được người rà soát có trình độ chuyên môn thích đáng để hoàn thành việc rà soát sâu sát các vấn đề cần thiết của báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sự non yếu về trình độ chuyên môn làm cho việc rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường có thể bị giới hạn trong việc kiểm tra sự đầy đủ các nhiệm vụ được xác định trong TOR trong khi yêu cầu việc rà soát là một đánh giá có hệ thống về nội dung và kết luận của đánh giá tác động môi trường.

Những sắp xếp và phạm vi quyền hạn cho việc rà soát đánh giá tác động môi trường chi tiết là rất khác nhau giữa các quốc gia. Trong hầu hết các trường hợp, việc đánh giá và rà soát chi tiết báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện bởi những cơ quan có trách nhiệm của chính phủ (thường là một Bộ của Chính phủ hoặc một Cục có trách nhiệm về một lĩnh vực tài nguyên cụ thể ví dụ như thủy sản) những người sẽ đưa ra nhận định cuối cùng về những giá trị của dự án. Những quyết định có thể giống như những quyết định đã có tại bước sàng lọc (rà soát sơ bộ):

- Dự án có khả năng không gây ra những tác động đáng kể, trong trường hợp này dự án có thể được thông qua với những điều kiện mà theo đó dự án có thể tiến triển tiếp (ví dụ, thực hiện những biện pháp giảm thiểu và chương trình giám sát); hoặc
- Dự án có khả năng như gây ra những tác động đáng kể không thể điều chỉnh được, trong trường hợp này sự án sẽ bị bác bỏ.

Những tổ chức tài chính quốc tế như ADB và WB có vai trò trong một đề xuất dự án cũng sẽ tiến hành những rà soát và đánh giá riêng của họ về báo cáo đánh giá tác động môi trường. Quyết định của họ sẽ không phải là việc chấp thuận hay bác bỏ dự án mà là họ có thể cung cấp vốn hay không tùy theo tiêu chuẩn cấp vốn nội bộ của họ.

GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

Những chủ đề về giới hạn cơ bản và giám sát tác động môi trường được trình bày chi tiết ở Khoá học E. Với mục đích của trình bày tổng quan của báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết, chúng tôi tập trung vào những điều cần đưa vào trong văn kiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Nhìn chung, một báo cáo đánh giá tác động môi trường nên bao gồm kế hoạch quản lý và kế hoạch giám sát môi trường. Kế hoạch quản lý môi trường phác thảo những biện pháp giảm thiểu và những kiến nghị khác về điều kiện dự án nhằm đảm bảo phù hợp với những luật và qui định về môi trường, để giảm hoặc loại bỏ những tác động bất lợi và khuyến khích những biện pháp nâng cao chất lượng môi trường. Kế hoạch giám sát môi trường được cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường nên giải thích rõ ràng, chi tiết những mục tiêu giám sát, những phương pháp luận, và yêu cầu về chu kỳ giám sát, vị trí lấy mẫu và các kỹ thuật phân tích số liệu.

Những chương trình giám sát được tiến hành điển hình là một phần của đánh giá tác động môi trường hoặc là các hoạt động tiếp theo được dự định để:

- Làm tài liệu về những điều kiện cơ sở hỗ trợ cho đánh giá môi trường.
- Giám sát dự án theo những điều kiện đã được thoả thuận để dự án được chấp thuận.
- Xem xét độ chính xác của những dự đoán tác động đã nêu trong đánh giá tác động môi trường.
- Đánh giá hiệu quả của những đề xuất giảm thiểu đặt ra.

Thực hiện đồng thời những kế hoạch quản lý và giám sát môi trường có thể đảm bảo rằng, nếu dự án đề xuất được thông qua, các vấn đề về môi trường sẽ tiếp tục được xem xét một cách kỹ lưỡng.

Sự tiếp tục và sự đánh giá nên là một phần cơ bản của quy trình đánh giá tác động môi trường nhưng đáng tiếc là thường bị lãng quên một khi dự án đã được chấp thuận. Sự tiếp tục là rất cần thiết để xác định xem liệu những biện pháp bảo vệ môi trường và các chương trình giám sát (là những điều kiện để dự án được chấp thuận) có được thực hiện như được yêu cầu hay không. Sự tiếp tục không nên được nghĩ chỉ như là một bước mang tính thủ tục của quy trình đánh giá tác động môi trường, mà ý định là tìm những hoạt động tiếp theo sẽ được thực hiện. Giám sát được đòi hỏi để xác định xem liệu những biện pháp giảm thiểu có hiệu quả trong việc giải quyết các tác động môi trường dự đoán và để đánh giá xem có cần thiết phải có những biện pháp giảm thiểu bổ sung không. Những kết quả giám sát cũng có thể cung cấp những cái nhìn bên trong quan trọng về các phản ứng của hệ sinh thái đối với các sức ép liên quan tới dự án và chúng rất có giá trị trong việc thực hiện những đánh giá trong tương lai cho các dự án tương tự.

BÀI 05 - KINH TẾ MÔI TRƯỜNG TRONG QUY TRÌNH EIA

Các nền kinh tế mạnh là điều cốt yếu để đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của con người. Đáp ứng được những nhu cầu này là một thách thức ở các quốc gia đang phát triển tại lưu vực sông Mê Công, nơi mà hầu hết mọi người đang đấu tranh vì sự tồn tại hàng ngày. Tuy nhiên, mô hình phát triển kinh tế hiện nay đang là nguyên nhân gây ra các vấn đề nghiêm trọng về môi trường. Các hậu quả sinh thái nghiêm trọng của các hoạt động kinh tế trong quá khứ (và đang tiếp diễn) đe dọa sức khoẻ con người và đe dọa sự lành mạnh lâu dài của môi trường trường thiên nhiên (ví dụ như ô nhiễm không khí, thay đổi khí hậu, suy kiệt tài nguyên, các hoá chất độc hại). Bởi vậy, bắt buộc phải thay đổi mô hình phát triển kinh tế truyền thống để đảm bảo rằng những đóng góp tích cực của sự phát triển đối với hạnh phúc của xã hội theo hướng không gây hại tới sức khoẻ của con người và môi trường.



Đương nhiên một trong những bài học quan trọng nhất rút ra từ khoá học này sẽ là thực tế về khả năng hạn chế của môi trường thiên nhiên đáp ứng các đòi hỏi về tài nguyên và năng lượng của con người. Chúng ta sống trong một thế giới hữu hạn các nguồn tài nguyên và khả năng của hệ sinh thái. Chính vì vậy mà các hoạt động kinh tế xảy ra nằm trong những giới hạn của hệ sinh thái trên trái đất. Nghĩ về điều đó như sau: chúng ta có thể thu hoạch các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà chúng ta cần, như gỗ và cá. Chúng ta cũng có thể đổ chất thải của chúng ta xuống các bãi chôn lấp và các dòng nước. Nhưng khả năng đáp ứng của trái đất đối với yêu cầu của chúng ta về thu hoạch và các chất thải là hữu hạn. Ở đây có một vài minh hoạ đơn giản cho những mối quan hệ này, và cách mà chúng ta có thể sống trong điều kiện của môi trường thiên nhiên có giới hạn:

$$H < Y$$

Thu hoạch (H) nhỏ hơn sản lượng (Y). Điều này đảm bảo khả năng tái tạo được của một tài nguyên cụ thể, bởi vì mức thu hoạch được giữ nhỏ hơn khả năng tái sinh của tự nhiên.

$$W < A$$

Ở đây các dòng thải (W) là nhỏ hơn khả năng đồng hoá của môi trường tự nhiên (A). Cần nhớ rằng sản lượng (Y) và khả năng đồng hoá (A) không phải là không thay đổi.

Chúng ta có thể quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên để cải thiện sản lượng được duy trì liên tục và năng lực đồng hoá chất thải của môi trường.

Về nguyên tắc, phân tích kinh tế của một hoạt động phát triển như một dự án công nghiệp phải xét tới tất cả các lợi ích và chi phí của hoạt động. Trong thực tế, việc phân tích kinh tế truyền thống không thể tính được các chi phí cho các tác động môi trường có hại bởi vì những tác động môi trường thường rất khó đo đạc và định lượng. Thậm chí kể cả khi chúng ta có thể định lượng được một tác động môi trường nào đó thì việc đánh giá bằng tiền tệ cũng thường rất khó khăn. Trong bài học này, chúng ta sẽ nghiên cứu về sự yếu kém của lý thuyết kinh tế truyền thống liên quan tới sự đánh giá các tác động môi trường của các dự án phát triển, đối tượng cho đánh giá tác động môi trường. Chúng ta cũng sẽ xem xét một số phương pháp thay thế để tích hợp các chi phí môi trường vào quyết định thông qua đánh giá tác động môi trường.

LÝ THUYẾT NỀN KINH TẾ CỔ ĐIỂN VÀ THỰC TẾ.

Các hệ thống kinh tế cổ điển dựa trên các mối quan hệ giữa cung và cầu. Giá cả của một loại hàng hoặc một dịch vụ dựa trên nhu cầu và khả năng cung cấp sản phẩm đó. Nhu cầu về sản phẩm càng cao thì giá của nó càng cao. Mối quan hệ này lại nghịch đảo với khả năng cung cấp, khả năng cung cấp càng cao thì giá càng thấp.

Dựa trên tính năng động của thị trường, giá cả của một hàng hoá sẽ dao động cho đến khi đó đạt cân bằng đến điểm mà tại đó cầu cân bằng với cung. Ví dụ, nếu cung vượt cầu thì giá hàng hoá sẽ giảm. Trong trường hợp này khả năng cung cấp sẽ giảm. Ngược lại, nếu cầu vượt cung, giá sản phẩm cao hơn sẽ khuyến khích sự sản xuất nhiều hơn dẫn đến việc tăng khả năng cung cấp và cuối cùng, giá cả sẽ thấp hơn.

Giả thiết cơ bản của nền kinh tế cổ điển là thị trường sẽ điều chỉnh bằng một cách nào đó để đạt được sự tối ưu giữa cung và cầu. Tài nguyên khan hiếm làm giá cả cao hơn sẽ dẫn tới nhu cầu thấp hơn và khuyến khích các ngành công nghiệp tìm kiếm các sản phẩm thay thế. Tuy nhiên, thực tế tồn tại rằng mô hình hoạt động kinh tế hiện nay đang làm suy thoái môi trường. Nếu các hệ thống kinh tế vật lộn để tối ưu hoá nhu cầu với khả năng cung cấp, thì tại sao lại xảy ra sự suy giảm môi trường? Phần sau đây sẽ tóm tắt tổng quan về một số hạn chế cơ bản của kinh tế thị trường cổ điển và những hạn chế đang tiếp tục làm suy thoái môi trường của chúng ta như thế nào.

CÁC SAI LẦM CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG CỔ ĐIỂN

Giá cả chống lại giá trị: Nghịch lý nước và kim cương

Nước rất cần thiết cho cuộc sống, nếu không có nó, con người không thể sống được. Kim cương rất xa xỉ và là mặt hàng không cần thiết. Tại sao kim cương rất đắt và nước lại rẻ. Câu trả lời là do thực tiễn kinh tế quy ước ấn định giá trị. Khi thảo luận về giá trị, các nhà kinh tế trước kia phân biệt giữa "giá trị sử dụng" và "giá trị trao đổi". Không may, khi lý thuyết kinh tế ngày càng phát triển, thành phần "giá trị sử dụng" ngày càng trở nên bị lãng quên và giá trị ngày càng được xác định theo duy nhất khía cạnh "giá trị trao đổi". Do vậy, các phân tích kinh tế quy ước hiện nay coi giá trị của hàng hoá bằng số tiền mà hàng hoá có thể được trao đổi. Giá trị sử dụng của một hàng hoá bị bỏ qua.

Một khó khăn khác trong việc cân bằng giá trị với duy nhất giá trị trao đổi là các phân tích kinh tế quy ước bỏ qua các chi phí và lợi ích của các hàng hoá phi thị trường, đó là các loại hàng hoá không thể trao đổi được như các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Do các nguồn tài nguyên thiên nhiên nằm ngoài thị trường có tổ chức, nên không thể định giá cả thị trường và việc đánh giá kinh tế trở nên khó khăn. Ví dụ, gỗ có thể được định giá trị theo giá cả thị trường. Tuy nhiên, do thiếu giá trị trao đổi trực tiếp, giá trị của các nguồn tài nguyên như môi trường sinh sống rừng và đa dạng sinh thái của nó bị bỏ qua bởi nền kinh tế quy ước. Do đó, các loại thuộc tính này theo truyền thống bị loại bỏ ra khỏi các kế hoạch quản lý gỗ và các đánh giá môi trường. Các thị trường thực tế có thể sẽ không bao giờ bao gồm các tài nguyên thiên nhiên, và thậm chí nếu có, chúng có thể không thực hiện được chức năng một cách hiệu quả. Hậu quả cuối cùng của tình trạng này là tài nguyên thiên nhiên có giá quá thấp, điều này chỉ dẫn đến việc tiêu thụ quá mức và sử dụng lãng phí.

Bằng sự nhận biết rằng mô hình kinh tế cổ điển bỏ quên các hàng hoá quan trọng như các chức năng của hệ sinh thái, các chính phủ ở hạ lưu sông Mê Công (LMB) có thể bắt đầu phát triển các chiến lược kết hợp giá trị của các hàng hoá phi thị trường vào việc ra quyết định. Ví dụ, khi giá trị thị trường thực tế không tồn tại thì có thể ước tính các giá trị xã hội bằng cách dự đoán cái mà các nhà tiêu thụ sẵn sàng trả giá cho sản phẩm hoặc dịch vụ. Ví dụ, những người đi du lịch sẵn lòng trả cho sự nghỉ ngơi trong rừng hoặc săn bắn và đánh cá.

Tuy nhiên, phương pháp tiếp cận này vẫn chưa tính đến giá trị cho các cộng đồng địa phương, những người trông cậy các nguồn tài nguyên này để sinh sống. Thay vào đó, giá trị lại dựa trên những triển vọng khách hàng tiêu thụ đơn lẻ. Giá trị tiền tệ thậm chí còn ít phù hợp hơn cho nhiều hàng hoá và dịch vụ phi thị trường khác. Ví dụ, rất khó tưởng tượng có thể gán bất kỳ giá trị tiền tệ có ý nghĩa nào cho "những hàng hoá" kiểu như đa dạng sinh thái, tính toàn vẹn của văn hoá, phong cảnh đẹp và sự lành mạnh của tâm hồn.

Chi phí mở rộng

Sai lầm quan trọng khác của kinh tế truyền thống là nó không có khả năng đề cập tới các yếu tố bên ngoài. Các yếu tố bên ngoài xảy ra khi một tập hợp hoàn chỉnh lợi ích và chi phí của việc thực hiện một dự án không được kết hợp vào hệ thống giá cả. Hệ thống giá cả có thể sai khi bồi thường cho sự mất mát hoặc để thu lợi ích. Trong mọi trường hợp, các chi phí và các lợi ích thực tế của dự án không thực sự được thể hiện trong quá trình ra quyết định kinh tế. Điều này thường dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường.

Ví dụ, chi phí để làm màu mỡ đất nông nghiệp được xác định bởi hai yếu tố: chi phí của sản phẩm phân bón và chi phí lao động để sử dụng phân bón. Quyết định việc có sử dụng phân bón hay không được xác định bằng cách cân đối các chi phí với các lợi nhuận dự kiến từ sự tăng sản lượng nông nghiệp. Tuy nhiên, nhiều chi phí liên quan đến việc sử dụng phân bón đã không được xem xét. Ví dụ, các chi phí đi kèm với những ảnh hưởng tới đời sống hoang dã địa phương, bao gồm các loại chim và cá, sự mất mát lương thực và thu nhập của các cộng đồng địa phương, những người sinh sống dựa trên các nguồn tài nguyên này? Các chi phí kết hợp với sự ô nhiễm nước ngầm và các ảnh hưởng liên quan đến sức khoẻ con người cũng không được xem xét. Những chi

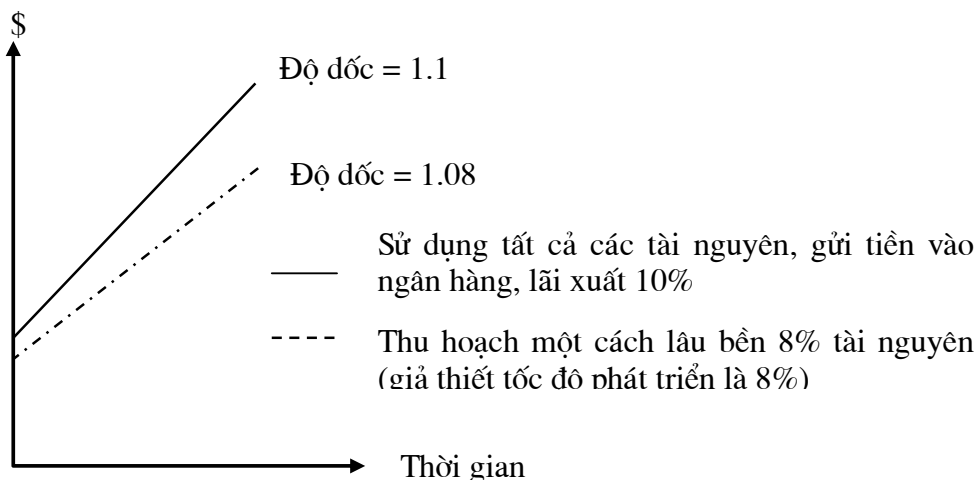
phí như vậy là những ví dụ cho các chi phí mở rộng. Khi tồn tại các chi phí mở rộng, người đề nghị dự án hoặc toàn bộ được tiến hành một hoạt động để xác định tổng lợi ích (ví dụ tăng thu nhập từ việc tăng khả năng cung cấp thực phẩm) trong khi chỉ phải trả một phần các chi phí. Bởi vì người ta đem toàn bộ lợi ích so sánh với chỉ một phần chi phí, nên các hoạt động vẫn có thể được tiến hành thậm chí cả khi tổng chi phí chi phí lớn hơn tổng lợi ích.

Myopia (cái nhìn thiếu cận): Không đếm xỉa đến tương lai

Ra quyết định trong kinh tế truyền thống chống lại các thế hệ tương lai. Đồng tiền ngày nay có giá trị hơn đồng tiền trong tương lai. Bởi vì đồng tiền ngày nay có thể được đầu tư để thu nhiều lợi nhuận hơn. Do đó, một đô la ngày nay giá trị hơn một đô la kiếm được 50 năm sau. Quá trình gán giá trị tương lai nhỏ hơn giá trị hiện tại được gọi là chiết khấu. Chúng ta chiết khấu, bởi vì loài người có khuynh hướng quan tâm tới các lợi ích trước mắt hơn là sau này.

Sự đánh đổi kinh tế được thực hiện bởi thế hệ hiện đang tham gia trong các thị trường ngày nay. Bởi vì không được tham dự vào thị trường, nên các quyền lợi của các thế hệ tương lai có thể bị xem nhẹ. (ví dụ, ít được coi trọng trong các quyết định hiện nay). Ví dụ, sản phẩm ở năm 2075 hầu như không có giá trị và cực kỳ ít được quan tâm đối với những người đang sống tại thời điểm này. Tuy nhiên, một nông dân quan niệm rằng giá trị của việc bỏ tiền ra để bảo vệ đất đến năm 2075 lại còn ít hơn giá trị sản phẩm mà anh (chị) ta bỏ ra cho ngày hôm nay và trong suốt cuộc đời họ.

Đối với các nguồn chậm tái tạo, như các loài động vật sống hoang dã hay rừng nhiệt đới, quy trình chiết khấu thậm chí làm suy kiệt tài nguyên. Thời gian để các biện pháp bảo tồn chúng tỏ giá trị của nó qua sự cung cấp bổ sung nguồn tài nguyên cho tiêu thụ trong tương lai thì rất dài, vượt quá mức được xem xét đến nỗi người ta không còn biết có nên quyết định đầu tư tiền bạc hay khai thác tài nguyên để thu tiền. Với một số ví dụ nêu trên, chúng ta có thể hình dung phát triển kinh tế hoàn toàn dựa vào khai thác tối đa nguồn tài nguyên và làm nó suy kiệt nhanh nhất có thể được, thậm chí như một hành động có thể gây tác động mạnh cho môi trường sinh thái trong tương lai được minh họa ở hình 1.



Hình 1: Chiết khấu

Tiến trình hành động này làm cho những người sử dụng tài nguyên có thể tối đa hoá các lợi ích của họ bằng cách tái đầu tư các thu nhập kiếm được để có thêm lợi ích. Mặc dù chỉ mang tính lý thuyết, ví dụ trên mô tả rất rõ cách mà các quyết định sử dụng tài nguyên không bền vững được đưa ra như thế nào nếu các tiêu chuẩn ra quyết định chỉ là tối ưu sự đầu tư. Trong trường hợp này những nhu cầu của thế hệ tương lai có ưu tiên thấp hơn và vì vậy không được quan tâm đầy đủ trong việc hình thành các quyết định phát triển.

Tài nguyên chung "Thảm kịch của công chúng"

Chúng ta đều biết rõ rằng mỗi cá nhân trong khi mưu cầu các lợi ích riêng của họ thường gây ra các ảnh hưởng chung không thể chấp nhận được đối với các tài nguyên chung. Tài nguyên chung là các nguồn không có chủ sở hữu chính thức và sẵn có để bất kỳ ai cũng được sử dụng, ví dụ như đánh cá ở hồ chứa, chăn thả gia súc ở các đồng cỏ và các loài hoang dã trong rừng.

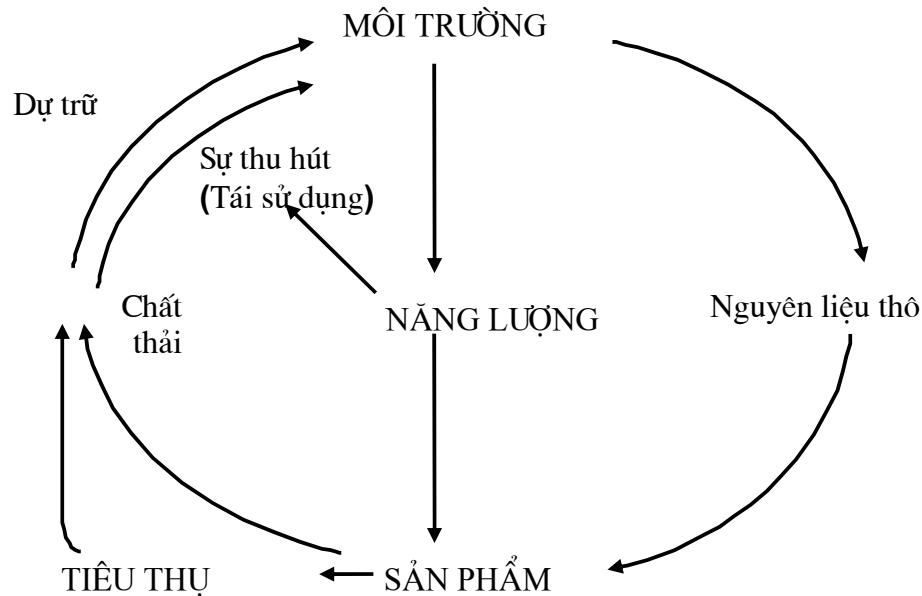
Với mục đích làm tối đa các lợi ích cá nhân trước mắt, những người sử dụng các tài nguyên chung thường mắc sai lầm, trong thời gian ngắn, áp dụng toàn bộ chi phí của các hành động của mình. Kết quả là, dưới các điều kiện không bị kiểm soát, sự suy giảm tài nguyên tất yếu xảy ra. Ví dụ, lợi nhuận lớn nhất đối với người đánh cá là sản lượng đánh bắt tối đa thậm chí khi hoạt động này có thể đe dọa tới sự lành mạnh chung của đàn cá. Từng ngư dân thu được nhiều lợi nhuận trước mắt từ việc cá đánh bắt cá tối đa hiện nay nhưng lại bỏ qua chi phí cuối cùng phải trả cho sự đánh bắt cá quá mức của họ (đó là làm suy kiệt tài nguyên) tới tất cả những người khác tham gia vào nghề cá.

Nghịch lý trong thí dụ về đánh cá này là nó không tạo ra ý thức kinh tế cho từng ngư dân riêng lẻ để tự hạn chế lượng cá đánh bắt. Nếu một ngư dân lựa chọn tự kiềm chế đánh thêm cá để bảo vệ đàn cá, họ không chỉ mất thu nhập tăng thêm trước mắt, mà vẫn phải chia xẻ chi phí chung cuối cùng của việc đánh bắt cá quá mức (không còn cá để đánh bắt). Điều này xảy ra bởi những ngư dân khác vẫn muốn tiếp tục đánh bắt tối đa sản lượng cá, mặc dù thậm chí số cá đánh bắt thừa ra phải để trong các kho bảo quản. Như vậy, mặc dù không cá nhân nào muốn xảy ra sự suy kiệt, hành vi của con người bắt buộc các hành động của cá nhân khi kết hợp lại sẽ gây ra ảnh hưởng chung này. Điều này giải thích tại sao việc đánh giá nhu cầu thực sự của xã hội và lợi ích của một dự án đề xuất trong suốt quá trình EIA là vô cùng quan trọng. Mong muốn duy nhất của những người đề xuất là khai thác lợi ích từ tài nguyên mà không phải đền bù cho các cộng đồng địa phương hoặc các hệ sinh thái tự nhiên bị ảnh hưởng.

SỰ LIÊN HỆ GIỮA NỀN KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG

Các nhà máy trả lương cho người làm công, đó là nguồn tài chính của các hộ gia đình. Các hộ gia đình mua các sản phẩm và dịch vụ từ các nhà máy. Các nhà máy cũng vay tiền tiết kiệm từ các ngân hàng để trả cho các khoản đầu tư, và ngược lại, trả lợi nhuận cho các ngân hàng. Mô hình này minh hoạ các mối quan hệ kinh tế đang tồn tại trong nền kinh tế truyền thống. Tuy nhiên, nó hoàn toàn bỏ qua các khía cạnh vật chất của nền kinh tế. Nguyên liệu, năng lượng các nhà máy sử dụng để tạo ra các sản phẩm và phân phối các dịch vụ đến từ đâu?

Một bức tranh mới về nền kinh tế để trả lời những câu hỏi này và nhận ra các bản chất thực của nền kinh tế được chỉ ra ở hình 2.



Hình 2 Mô hình kinh tế dựa trên sinh thái mới

Mô tả nền kinh tế bằng các sự trao đổi của vật chất và năng lượng, mô hình "nhiệt động" này chứng tỏ một cách rõ ràng về sự phụ thuộc lẫn nhau của kinh tế và môi trường. Việc xem lại mô hình dòng thu nhập truyền thống và chấp nhận những kiến thức về mối quan hệ qua lại giữa kinh tế và môi trường là điều cần thiết để tiến tới phát triển bền vững và quản lý khôn ngoan nguồn tài nguyên thiên nhiên. Điều quan trọng nhất là việc công nhận một triển vọng kinh tế mà các hiểu biết về mối quan hệ qua lại giữa kinh tế và môi trường cuối cùng giúp huy động xã hội và vượt qua các chương ngại hiện tại có nguyên nhân từ các cuộc tranh cãi liên tục về cái gì làm cho các yêu cầu về kinh tế và môi trường chống lại nhau.

Giữ gìn vốn tự nhiên

Thành công về kinh tế sẽ có giá trị xã hội rất nhỏ nếu nó đơn giản đạt được bằng cách làm suy kiệt các nguồn dự trữ hoặc năng lực sản xuất. Ví dụ, nguồn thu nhập cho một hộ gia đình không thể được coi như là sự thành công về kinh tế nếu nó chỉ được rút ra từ việc sử dụng tiền tiết kiệm của hộ gia đình đó. Đến một lúc nào đó tiền tiết kiệm (đó là vốn) sẽ hết và lúc này sẽ hoàn toàn không có thu nhập. Nguyên tắc này có thể được áp dụng cho tài nguyên thiên nhiên. Nếu một cánh rừng bị đốn chặt để khai thác gỗ và hành động này tác động tới khả năng tái tạo và sản xuất thêm gỗ của rừng thì cuối cùng thu nhập từ gỗ sẽ ngừng lại. Ngược lại, nếu cánh rừng đó được khai thác gỗ trong giới hạn mà nó vẫn có thể duy trì sự sinh sôi thì rừng vẫn tiếp tục cung cấp gỗ và các nguồn thu nhập sẽ được bảo đảm trong một thời gian dài. Chìa khoá là để bảo vệ nguồn vốn tự

nhiên cơ bản, năng lực sinh thái của các hệ thống để tự tái sinh, và để tạo ra hoạt động kinh tế để mỗi thế hệ chỉ là sống ngoài "lợi nhuận" của tài nguyên thiên nhiên.

Thực hiện hạch toán đủ chi phí và đảm bảo tính hợp lý

Xác định các chi phí mở rộng và kết hợp toàn bộ các chi phí của hoạt động kinh tế là cần thiết. Các chiến lược phải được tổng hợp để nhận thức ra giá trị thực của hàng hoá và dịch vụ (cả giá trị sử dụng và giá trị trao đổi) và đảm bảo rằng các hàng hoá phi thị trường mà chúng khó xác định giá trị theo hệ thống định giá tiền tệ hiện hành được nhận thức thích đáng trong quá trình ra quyết định. Sự quan tâm để đảm bảo phân chia công bằng các chi phí và lợi nhuận là rất cần thiết. Đặc biệt, điều này có ý nghĩa đảm bảo rằng toàn bộ chi phí của các hoạt động được các cá nhân hoặc cơ sở công nghiệp - người hưởng lợi chi trả. Chính sách "người gây ô nhiễm phải trả" là một ví dụ của nguyên tắc này trong việc chấp nhận bảo vệ lâu dài các thế hệ tương lai.

Chi phí xanh là một phương pháp khác để kết hợp các chi phí môi trường vào các chi phí của quốc gia. Chi phí xanh là một phương pháp thực hành khấu trừ các chi phí môi trường từ tổng sản phẩm quốc dân. Phương pháp này thực sự có thể giúp làm giảm việc sử dụng và khai thác tài nguyên quá mức, thông ta tính toán một cách chính xác hơn các chi phí của việc khai thác.

CÁC VẤN ĐỀ TRONG ĐÁNH GIÁ KINH TẾ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Phân tích kinh tế tồn tại một số hạn chế trong việc đưa giá trị môi trường vào trong phân tích lợi ích – chi phí.

Phân chia thu nhập: các dự án đem lại lợi nhuận cho các công ty hoặc cá nhân giàu có từ các thiệt hại mà những người hoặc các làng nghèo phải chịu là việc đáng chê trách, cho dù các dự án này có tỷ số B/C cao.

Công bằng giữa các thế hệ: Các thế hệ tương lai sẽ có ít tài nguyên để sử dụng hơn khi các thế hệ đi trước làm các dự án, dẫn đến tỷ số B/C cao. Tỷ lệ chiết khấu là vấn đề đặc biệt quan trọng để cân nhắc, vì tỷ lệ chiết khấu cao sẽ giúp các dự án có lợi ích ròng trước mắt, trong khi tỷ lệ chiết khấu thấp sẽ gây sức ép cho các tác động tiêu cực trong tương lai. Các tác động môi trường của dự án có thể bị ảnh hưởng lớn bởi tỷ lệ chiết khấu, vì một số loại tác động môi trường có thể sẽ diễn ra trong thời gian dài.

Rủi ro và không chắc chắn: Các hiện tượng tự nhiên như là hạn hán, lũ lụt, động đất và các bệnh tật của cây cối hoặc động vật có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án. Để xác định các ảnh hưởng này, các giá trị dự kiến có thể được dùng như là giá trị thay thế cho các biến, ví dụ, giá hiện tại có thể được sử dụng để gán cho giá trị không biết chính xác trong tương lai.

Giải thích cho các thiệt hại không thể thay đổi được: Các nhà ra quyết định phải đặc biệt chú ý các tác động không thể đảo ngược được đến tài nguyên thiên nhiên vì chúng có thể gây hậu quả nghiêm trọng trong tương lai. Nói chung, nếu chi phí để duy trì nguồn tài nguyên là tương đối thấp thì những nhà ra quyết định cần cố gắng bảo vệ môi trường, nếu không duy trì thì nguồn tài nguyên sẽ bị mất. Phải thận trọng khi đánh giá các dự án đề xuất, với sự tập trung vào sự dụng khôn ngoan các tài nguyên không thể phục hồi được và lựa chọn các dự án có tác dụng thúc đẩy sử dụng bền vững các tài nguyên phục hồi được.

ĐÁNH GIÁ KINH TẾ CỦA CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đánh giá kinh tế các tác động môi trường là một phần rất quan trọng trong toàn bộ quá trình EIA, do nó có thể khám phá ra liệu các lợi nhuận thực của việc thực hiện dự án/hoạt động có lớn hơn các phương án thay thế (kể cả phương án không dự án) hay không? Đánh giá kinh tế của các phương án thay thế khác nhau ở các giai đoạn đầu của quá trình lập dự án có thể cung cấp những hiểu biết sâu sắc, quan trọng để cải thiện chất lượng của việc ra quyết định. Hầu như hiển nhiên, không phải tất cả các tác động môi trường và các sự đánh đổi đều có thể được chi trả bằng tiền tệ hoặc một đánh giá kinh tế hợp lý.

Tuy nhiên, nếu các nhà quản lý môi trường và những người ra quyết định ở các quốc gia trong MRB bắt đầu suy nghĩ về cách thức xác định các chi phí ẩn cho các hoạt động môi trường, thì họ sẽ có khả năng tốt hơn để lựa chọn những hậu quả môi trường

nào họ sẵn sàng đón thuận. Các phương pháp có thể sử dụng cho đánh giá các tác động môi trường về kinh tế được xem xét ngắn gọn như sau:

Các chi phí cơ hội

Phương pháp tiếp cận chi phí cơ hội có thể là một phương pháp hiệu quả cho việc xác định giá trị của tài nguyên thiên nhiên và nhờ đó xác định được chi phí môi trường của việc mất mát tài nguyên đó. Chi phí cơ hội là giá trị của phương án thay thế tốt nhất đã bỏ đi. Ví dụ, xem xét một dự án thủy điện có thể làm ngập vài trăm mẫu đất ngập nước. Vùng đất ngập nước này có thể là môi trường thủy sinh hiếm có, nhưng giá trị theo khía cạnh môi trường sinh sống của nó có thể rất khó xác định. Thay cho việc xem xét các giá trị mất mát của vùng đất ngập nước do dự án đập/hồ chứa vì nó không có những tác động kinh tế thực sự, chúng ta có thể thay bằng đất mà đưa vào canh tác sẽ có thu nhập về cây trồng. Ở đây, con số thu nhập mùa màng được sử dụng để là chi phí kinh tế của việc ngập mất đất do làm hồ.

Sai lầm hiển nhiên của kịch bản này là giá trị sinh thái quan trọng của đất ngập nước có thể vẫn bị mất, nhưng ít nhất một số giá trị tiền tệ được gán cho vùng đất ngập nước trong việc ra quyết định có hay không cho phép thực hiện dự án thủy điện này.

Các giá trị thị trường thay thế

Kỹ thuật thị trường thay thế là phương pháp tiếp cận sử dụng các giá thị trường thực để định giá cho phẩm chất chưa thị trường hoá của môi trường như nước sạch, không khí sạch hay giá trị thẩm mỹ. Giả thiết cơ bản là giá trị về chất lượng môi trường của người mua là sự chênh lệch giá trị đến đẳng sau tất cả các biến số trừ chất lượng môi trường được kiểm soát. Ví dụ, đề cập đến các giá trị tài sản thành thị. Nhìn chung, chúng ta quan niệm rằng giá cả mà người mua sẵn lòng chi trả cho một tài sản phản ánh tất cả các thuộc tính của tài sản mà người đó đánh giá, đương nhiên bao gồm một mảnh vườn thanh bình và chất lượng không khí trong lành ngoài trời. Các tiếp cận định giá tài sản được thiết kế như vậy để kiểm soát các biến số nào đó để bất kỳ sự khác nhau về giá cả nào đều có thể được gán cho 'sản phẩm' môi trường không có giá. Đơn giản, một thuộc tính tiêu cực của môi trường, như là chất lượng không khí tồi, cũng có thể được đo lường bằng cách tiếp cận định giá tài sản. Một sự sa sút về giá trị tài sản có thể được coi như là sự sa sút chất lượng không khí của các vùng xung quanh như là sự thải ra các thành phần độc hại vào không khí từ một nhà máy hoá chất mới. Phương pháp này có thể là cách hiệu quả để đặt một giá trị kinh tế lên sự mất mát của một sự tiện nghi môi trường cụ thể. Kết quả tổng số sau đó có thể được đưa vào như là một chi phí trong đánh giá kinh tế tổng thể của những tác động môi trường của một dự án

Chi phí thay thế

Tiền đề cơ bản của tiếp cận chi phí thay thế là các chi phí phải gánh chịu trong việc thay thế việc sản xuất ra các tài sản môi trường bị phá huỷ bởi một dự án hay hoạt động có thể đo lường được. Ý tưởng của cách tiếp cận này là cái gì xã hội phải chi để phục hồi lại cùng lợi ích mà một nguồn tài nguyên cụ thể cung cấp cho miễn phí. Ví dụ, đề cập tới các chức năng chống lụt của những vùng đất ngập nước. Các vùng đất ngập nước rất có giá trị với các khả năng trữ nước lũ và làm chậm tốc độ nước mưa

bão. Nếu một vùng lớn đất ngập nước bị nạo vét và dọn sạch cho mục đích phát triển, sẽ phải xây dựng các công trình kiểm soát lũ thay thế để bảo vệ vùng dân cư khỏi lũ. Khi đất ngập nước bị loại bỏ và thay vào đó là đất được khai thác, chính quyền địa phương sẽ phải thu hút vốn đầu tư để xây dựng các biện pháp chứa và chống lũ phù hợp. Sự trữ lũ tự nhiên của đất ngập nước và khả năng chống lũ của tự nhiên giảm đi ít nhất là gấp đôi, có thể thậm chí còn hơn nữa, cho vị trí phát triển mới. Nếu họ không lựa chọn nâng cấp bảo vệ lũ, cộng đồng có thể phải chịu mất mát nhiều hơn từ sự phá hoại làm mất hoặc phá huỷ tài sản. Các chi phí cho biện pháp chống và trữ lũ có thể được sử dụng như giá trị kinh tế thay thế của vùng đất ngập nước khi xem xét các chi phí môi trường của dự án.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ủy ban Brundtland. 1987. Tương lai chung của chúng ta. Ủy ban thế giới về Môi trường và phát triển. ấn phẩm của đại học Oxford, Oxford, UK.
2. Dự thảo Luật Bảo vệ Môi trường. Chưa có ngày. Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.
3. Dự thảo nghị định về Đánh giá Tác động Môi trường. 1999. Vương quốc Campuchia.
4. Sắc luật về nâng cao và Bảo vệ Chất lượng Môi trường Quốc gia. 1978. Vương quốc Thái Lan.
5. Luật Bảo vệ Môi trường. 1993. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam.
6. Luật về Bảo vệ Môi trường và Quản lý Tài nguyên thiên nhiên. 1996. Vương quốc Campuchia.
7. Kế hoạch Hành động Môi trường Quốc gia. 1995. Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.
8. Sadler, B., và R. Verheem. 1996. Chiến lược Đánh giá Môi trường – Hiện trạng, Thách thức, và Định hướng Tương lai. Xuất bản số 53. Bộ Nhà đất, Kế hoạch Không gian và Môi trường. Hague, Netherlands. trang. 27-29, 49, 73-79, 108-109, 147-149, và 173.